

DIC GROUP
CÔNG TY CỔ PHẦN
XÂY DỰNG DIC HOLDINGS

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG DIC HOLDINGS (Năm 2021)



I. Thông tin chung

1. Thông điệp của Ông Lê Đình Thắng Chủ tịch HĐQT Công ty

Kính thưa Quý Cổ đông, Quý Khách hàng, các đối tác chiến lược và toàn thể cán bộ nhân viên!

Năm 2021 là một năm tình hình kinh tế thế giới và trong nước gặp nhiều khó khăn và thiệt hại nặng nề do ảnh hưởng của đại dịch Covid 19. Với thời gian giãn cách nghiêm ngặt kéo dài, đặt ra nhiều thách thức lớn cho tất cả các doanh nghiệp hoạt động trong các ngành nghề, lĩnh vực khác nhau. Trong một năm đầy biến động, Công ty Cổ phần Xây dựng DIC Holdings cũng gặp những khó khăn nhất định. Nhưng với sự nỗ lực, đồng hành của tất cả người lao động dưới sự định hướng, chỉ đạo kịp thời của HĐQT và Ban điều hành từng bước đưa DICcons đã vượt qua được giai đoạn khó khăn và đạt được nhiều kết quả khả quan.



Cụ thể, Công ty đã hoàn thành tăng vốn điều lệ lên 500 tỷ đồng, tổng doanh thu đạt 616 tỷ đồng tăng 32% so với cùng kỳ năm trước, lợi nhuận sau thuế đạt 42,47 tỷ đồng tăng 32% so với cùng kỳ năm trước. Kết quả này chính nhờ vào chiến lược phát triển cũng như tôn chỉ của Công ty đúng đắn và phù hợp với từng giai đoạn phát triển, nhất là thời gian khó khăn do ảnh hưởng dịch bệnh vừa qua, cộng với đó là sự chuẩn bị một cách tích cực, nghiêm túc để đạt được những thành quả tốt đẹp và ngày càng khẳng định vị thế của doanh nghiệp trong ngành xây dựng.

Kết thúc năm 2021, sau hơn 01 năm chuyển đổi mô hình hoạt động đã đánh dấu một bước tiến quan trọng trong hành trình xây dựng và phát triển khi thương hiệu DICcons ngày càng khẳng định được vị thế là nhà thầu xây lắp mạnh và là nhà đầu tư uy tín chuyên nghiệp trên thương trường.

Bên cạnh đó, cùng với việc chuyển sàn niêm yết giao dịch cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) đã cho thấy quyết định đúng đắn của Ban lãnh đạo. Điều này đã góp phần nâng cao hình ảnh, vị thế của DICcons trên thương trường. Với việc thị giá cổ phiếu DC4 tại ngày 31/12/2021 đạt trên 23.000 đồng/cổ phần cao hơn gần gấp đôi cùng thời điểm năm trước và tính thanh khoản của cổ phiếu ngày càng cải thiện đã cho thấy sức hấp dẫn đối với các nhà đầu tư và đối tác chiến lược. Trong kế hoạch phát triển tương lai khả năng huy động vốn dài hạn từ các tổ chức, định chế tài chính trong và ngoài nước là một

mục tiêu quan trọng, tạo tiền đề cho DICcons thực hiện chiến lược phát triển trong dài hạn.

Kính thưa Quý vị!

Tiếp nối những thành quả của năm 2021, bước sang năm 2022 là mốc thời gian quan trọng, là giai đoạn tăng tốc để phát triển mạnh hơn nữa các lĩnh vực hoạt động của Công ty, Hội đồng quản trị đề ra kế hoạch sản xuất kinh doanh với doanh thu hợp nhất tăng 30% và lợi nhuận sau thuế hợp nhất tăng 18% so với năm 2021.

Hoạt động thi công xây lắp tiếp tục được phát huy, hoạt động đầu tư được đẩy mạnh với nhiều dự án quan trọng tại Bà Rịa Vũng Tàu đặc biệt là dự án chung cư Chí Linh Center 25 tầng tại TP. Vũng Tàu có tổng số vốn đầu tư dự kiến gần 1.300 tỷ đồng, hứa hẹn sẽ cho ra những sản phẩm cao cấp nhất, đáp lại sự tin tưởng của khách hàng.

Nhiệm vụ đặt ra trong năm 2022 là hết sức nặng nề, nhưng với chiến lược phát triển cũng như tôn chỉ đúng đắn cộng với sự ủng hộ từ các Cổ đông và đối tác. Chúng tôi cùng với toàn thể CBCNV lao động quyết tâm và tin tưởng rằng DICcons sẽ vững vàng phát triển trong giai đoạn mới, thực hiện thành công mục tiêu là trở thành một Công ty lớn mạnh và có uy tín hàng đầu trong ngành Xây dựng và kinh doanh bất động sản trong phạm vi cả nước.

Thay mặt Hội đồng quản trị Công ty, tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành đến toàn thể Ban điều hành và cán bộ CNV lao động trong Công ty đã cống hiến và làm việc hết mình. Đặc biệt tôi cũng xin gửi lời tri ân sâu sắc đến Quý cổ đông, quý đối tác chiến lược, các Nhà đầu tư luôn tin tưởng và đồng hành cùng DICcons trong suốt thời gian qua và mong muốn được tiếp tục hợp tác, đồng hành trong thời gian tới để cùng hướng đến tương lai bền vững và thịnh vượng!

Trân trọng cảm ơn !

2. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG DIC HOLDINGS**
- Tên công ty viết bằng tiếng Anh : DIC Holdings Construction JSC
- Tên công ty viết tắt: DICcons
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3500686978 (Số cũ 4903000146, đăng ký lần đầu ngày 28/01/2005, cấp lại mã số doanh nghiệp ngày 12/11/2008, thay đổi lần thứ 22 ngày 06/01/2022).
- Vốn điều lệ (vốn đầu tư của chủ sở hữu): 500.000.000.000 đồng
- Bằng chữ: Năm trăm tỷ đồng.
- Địa chỉ: Tòa nhà Ruby Tower – Số 12, Đường 3 Tháng 2, Phường 8, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
- Số điện thoại: 0254. 3613 518
- Số fax: 0254. 3585 070
- Website: www.diccons.vn
- Email : info@diccons.vn
- Mã cổ phiếu: DC4

3. Quá trình hình thành và phát triển

a) Thành lập và phát triển

Công ty Cổ phần Xây dựng DIC Holdings tiền thân là Xí nghiệp Kinh doanh Vật tư Xây dựng được thành lập năm 1994 trực thuộc Công ty Xây dựng và Dịch vụ Du lịch (nay là Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng). Tháng 8 năm 2000, Xí nghiệp Kinh doanh Vật tư Xây dựng được đổi tên thành Xí nghiệp Xây dựng số 4, và đến tháng 12 năm 2004 được cổ phần hóa và đổi tên thành Công ty Cổ phần DIC số 4 (quyết định số 1980/QĐ-BXD của Bộ Xây dựng ngày 09/12/2004).

- Ngày 20/09/2011 Công ty thành lập chi nhánh với tên giao dịch “ Chi nhánh Công ty Cổ phần DIC số 4 – Xí nghiệp Vật tư & Thương mại DIC ” giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3500686978-003.
- Tháng 2/2018 Công ty chuyển trụ sở về Tòa nhà Ruby Tower – Số 12, Đường 3 tháng 2, Phường 8, TP. Vũng Tàu.
- Ngày 25/12/2019, Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng DIC (DIC Vật liệu) chính thức trở thành công ty con của Công ty Cổ phần DIC số 4 (sau khi Công ty hoàn tất nhận chuyển nhượng 8.499.982 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 96,59 % vốn điều lệ của DIC Vật liệu từ Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng).
- Năm 2020, Công ty chuyển đổi Nhà máy cửa nhựa cao cấp Vinawindow thành Công ty TNHH MTV Vinawindow.

- Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 đã thống nhất đổi tên Công ty Cổ phần DIC số 4 thành Công ty Cổ phần Xây dựng DIC Holdings (viết tắt là DICcons).
- b) Cổ phần hóa và niêm yết
- Ngày 28/01/2005 Công ty cổ phần hóa thành công với số cổ phần ban đầu là 500.000 cổ phần.
 - Ngày 03/11/2008 Công ty niêm yết lần đầu tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán DC4; số lượng cổ phiếu niêm yết lần đầu 2.000.000 cổ phiếu.
 - Ngày 20/10/2020, Công ty chuyển niêm yết từ Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội sang Sở giao dịch Chứng khoán Tp.HCM (HOSE) với số lượng cổ phiếu niêm yết là 29.000.000 cổ phiếu.
 - Qua các lần tăng vốn đến đầu năm 2022 số lượng cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại HOSE là 50.000.000 cổ phiếu.
- c) Quá trình tăng vốn điều lệ
- Ngày 28/01/2005 Công ty chính thức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần với vốn điều lệ là 5.000.000.000 đồng.
 - Năm 2006 Công ty phát hành 320.000 cổ phần chào bán cho cổ đông tăng vốn điều lệ lên 8.200.000.000 đồng.
 - Quý 1 năm 2007 Công ty phát hành 180.000 cổ phần chào bán cho cổ đông tăng vốn điều lệ lên 10.000.000.000 đồng.
 - Quý 2 năm 2007 Công ty phát hành 1.000.000 cổ phần chào bán cho cổ đông tăng vốn điều lệ lên 20.000.000.000 đồng.
 - Năm 2009 Công ty trả cổ tức bằng cổ phiếu tăng vốn điều lệ lên 21.399.960.000 đồng.
 - Năm 2010 Công ty phát hành 2.860.004 cổ phiếu trả cổ tức, chào bán cho cổ đông và chào bán ra công chúng tăng vốn điều lệ lên 50.000.000.000 đồng.
 - Năm 2014 Công ty phát hành 249.846 cổ phiếu trả cổ tức tăng vốn điều lệ lên 52.498.460.000 đồng.
 - Năm 2015 Công ty phát hành 262.215 cổ phiếu thưởng cho cổ đông tăng vốn điều lệ lên 55.120.610.000 đồng.
 - Năm 2017 Công ty phát hành 10% cổ phiếu trả cổ tức và thưởng cho cổ đông tăng vốn điều lệ lên 60.627.650.000 đồng.
 - Năm 2018 Công ty đã chào bán 3.937.235 cổ phần ra công chúng và chuyển đổi 10 tỷ đồng trái phiếu thành 1.000.000 cổ phần, nâng số cổ phần DC4 lưu hành lên 11.000.000 cổ phần. Vốn điều lệ công ty tại thời điểm cuối năm 2018 là 110.000.000.000 đồng.
 - Quý 2 năm 2019, Công ty phát hành 1.099.764 cổ phiếu trả cổ tức tăng vốn điều lệ lên 120.997.640.000 đồng.

- Quý 3 năm 2019 Công ty phát hành 16.900.236 cổ phiếu chào bán riêng lẻ tăng vốn điều lệ lên 290.000.000.000 đồng.
 - Quý 1 năm 2020 Công ty phát hành 1.000.000 cổ phiếu chuyển đổi số lượng trái phiếu có giá trị 10 tỷ đồng tăng vốn điều lệ lên 300 tỷ đồng.
 - Quý 3 năm 2020, Công ty đã phát hành thành công 1.499.758 cổ phiếu trả cổ tức cho năm tài chính 2019 và 500.000 cổ phiếu thưởng cho Người lao động công ty (ESOP) tăng vốn điều lệ lên 319.997.580.000 đồng.
 - Quý 2 năm 2021, Công ty phát hành 1.599.707 cổ phiếu trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ lên 335.994.650.000 tỷ đồng.
 - Trong quý 4 năm 2021, Công ty phát hành 1.650.000 cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động Công ty (ESOP) tăng vốn điều lệ lên 352.494.650.000 tỷ đồng.
 - Công ty đã hoàn thành đợt phát hành 14.750.535 cổ phiếu chào bán riêng lẻ năm 2021 cho nhà đầu tư chiến lược. Vốn điều lệ công ty sau phát hành là 500.000.000.000 đồng.
- d) Các sự kiện khác
- Công ty vinh dự được nhận giải thưởng Sao Vàng Đất Việt - Top 200 cho doanh nghiệp tiêu biểu năm 2021.

4. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh:

Stt	Tên ngành	Mã ngành
1	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật Chi tiết: Lập và thẩm định dự án; Kiểm định công trình xây dựng	7120
2	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Chi tiết: Đầu tư xây dựng các khu công nghiệp, khu đô thị, xây dựng nhà ở để bán, cho thuê văn phòng; Đầu tư xây dựng và quản lý nhà chung cư	6810
3	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933

4	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Thiết kế xây dựng công trình thủy lợi; Thiết kế kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp; Giám sát công trình dân dụng và công nghiệp; Quản lý dự án xây dựng; Lập báo cáo đầu tư, dự án đầu tư, báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình; Khảo sát, lập dự án, thiết kế kỹ thuật – dự toán công trình đo đạc và bản đồ; Thẩm tra thiết kế kỹ thuật, tổng dự toán công trình; Tư vấn lập và đánh giá hồ sơ mời thầu, dự thầu; Quản lý vận hành chung cư;	7110
5	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại Chi tiết: Gia công, lắp đặt các sản phẩm cơ khí xây dựng; Mạ kẽm, mạ màu, sơn tĩnh điện	2592
6	Kho bãi và lưu trữ hàng hóa Chi tiết: Cho thuê kho, bãi	5210
7	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét Chi tiết: Khai thác đá, cát, sỏi để san lấp mặt bằng cho các công trình dân dụng, công nghiệp và nền đường.	0810
8	Sản xuất sản phẩm từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện Chi tiết: Sản xuất cửa nhựa, cửa gỗ cao cấp	1629
9	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Mua bán vật liệu xây dựng, vật tư thiết bị phục vụ cho đầu tư và xây dựng	4663
10	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
11	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất cửa kim loại	2599
12	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
13	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Môi giới bất động sản; Tư vấn bất động sản	6820
14	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
15	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị thi công	7730

16	Xây dựng công trình đường bộ Chi tiết: Xây dựng công trình giao thông thủy lợi	4212
17	Xây dựng công trình điện Chi tiết: Xây dựng công trình đường dây và trạm biến thế điện	4221
18	Xây dựng công trình cấp, thoát nước Chi tiết: Xây dựng hệ thống cấp thoát nước	4222
19	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây dựng công trình dân dụng, nhà cao tầng, công trình cơ sở hạ tầng đô thị	4299 (Chính)
20	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí	4322
21	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: Thi công các hạng mục phòng cháy chữa cháy cho các công trình dân dụng, công nghiệp	4329
22	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết: Thi công cấp dự ứng lực; Nạo vét luồng lạch	4390

- Địa bàn hoạt động kinh doanh: Công ty là doanh nghiệp chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực thi công xây lắp và đầu tư nên có các hoạt động kinh doanh trải rộng khắp 3 miền đất nước, tuy nhiên địa bàn chính tập trung tại khu vực tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu nơi có trụ sở chính và miền Đông Nam bộ.
- + Khu vực Miền Trung : Công ty triển khai thi công gói thầu 138 căn Shophouse thuộc dự án Laimian thuộc khu kinh tế Nhơn Hội, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.



- + Khu vực Đông Nam bộ : Công ty đang thi công gói thầu 46 căn nhà thương mại liền kề - dự án KDC An Sương, Quận 12, Tp.HCM.



- + Khu vực tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu: là địa bàn hoạt động chính của Công ty với các công trình trọng điểm đang thi công như Gói thầu H&I-7 Tổ hợp Hóa dầu Miền nam, chung cư Chí Linh Center (25 tầng), Tổ hợp Khách sạn và Căn hộ Du lịch - KDL Hải Minh (16-18 tầng), Tòa nhà Viettel Vũng Tàu, Trường Tiểu học Phường 10 ...



5. Thông tin về mô hình quản trị, sơ đồ tổ chức và cơ cấu bộ máy quản lý Công ty

5.1. Mô hình quản trị

- Công ty được tổ chức theo mô hình công ty cổ phần trong đó đứng đầu là Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị (5 thành viên) và Tổng giám đốc.

5.2. Sơ đồ tổ chức



5.3 Cơ cấu bộ máy quản lý

- Ban điều hành công ty: Chủ tịch HĐQT (chuyên trách), 01 Phó chủ tịch HĐQT tham gia điều hành, Ban Tổng giám đốc (01 Tổng giám đốc điều hành, 01 Phó Tổng giám đốc kỹ thuật, 01 Phó Tổng giám đốc tài chính, 01 Phó Tổng giám đốc phát triển thị trường), Kế toán trưởng.
- Các phòng ban chức năng:
 - + Phòng Tài chính - Kế toán
 - + Phòng Hành chính - Nhân sự
 - + Phòng Kỹ thuật - thi công
 - + Phòng Kinh tế - Kế hoạch
 - + Phòng Vật tư - Thiết bị
 - + Ban Phát triển dự án
- Các ban điều hành/Ban chỉ huy công trường: Được thành lập tại công trường để điều hành và tổ chức thi công với nhân sự được điều động từ các phòng ban nhưng nòng cốt là các cán bộ của Phòng kỹ thuật thi công.

5.4. Các đơn vị trực thuộc

- Các chi nhánh:

Stt	Tên đơn vị	Địa chỉ	Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính	Tỷ lệ sở hữu	Ghi chú
1	Chi nhánh Công ty Cổ phần Xây dựng DIC Holdings - Xí nghiệp Vật tư & Thương mại DIC	Tòa nhà Ruby Tower – Số 12 Đường 3 tháng 2, Phường 8, Tp.Vũng Tàu	Mua bán vật liệu xây dựng, vật tư thiết bị phục vụ cho đầu tư xây dựng	100%	Đang hoạt động

- Công ty con:

Stt	Tên đơn vị	Địa chỉ	Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính	Tỷ lệ sở hữu	Ghi chú
1	Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng DIC (DIC Vật liệu).	Áp Tân Châu, Xã Châu Pha, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;	96,6%	Đang hoạt động
2	Công ty TNHH MTV Vinawindow.	Đường số 12, KCN Đông Xuyên, Phường Rạch Dừa, Tp.Vũng Tàu.	Sản xuất cửa nhựa lõi thép, cửa thép chống cháy, cửa nhôm kính thương hiệu Vinawindow.	100%	Đang hoạt động

6. Định hướng phát triển

6.1. Các mục tiêu chủ yếu của công ty

- Về xây lắp : Tập trung vào lĩnh vực kinh doanh chính là “Thi công xây lắp” với tỷ trọng ngành nghề chiếm từ 40% ÷ 50%, duy trì mức tăng trưởng trong lĩnh vực này hàng năm từ 15% trở lên, tạo việc làm ổn định cho người lao động.

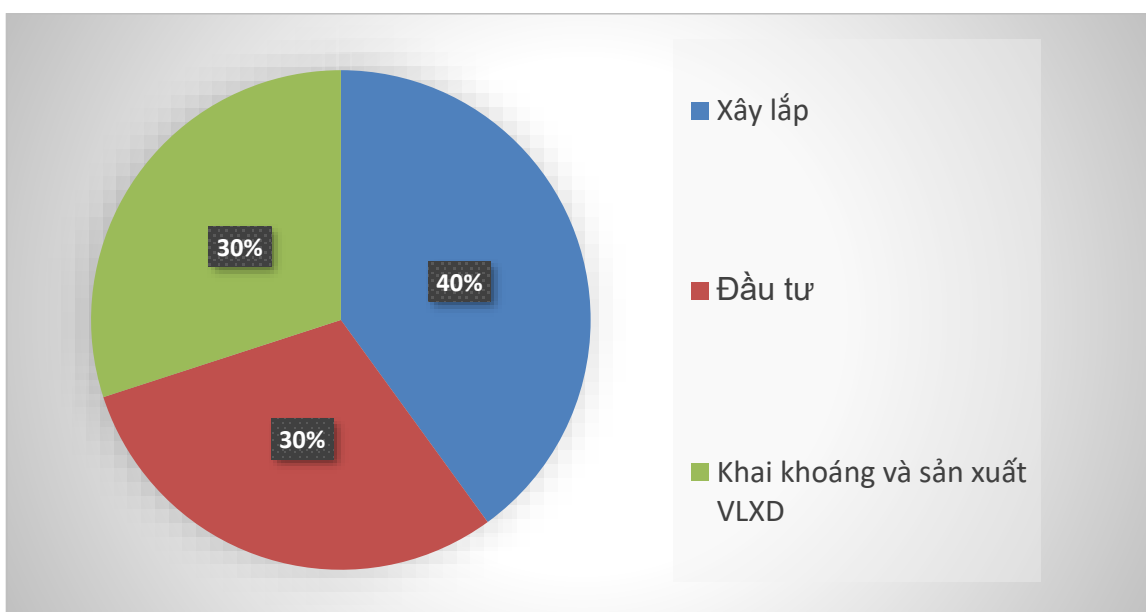
Quán triệt sâu sắc ba tiêu chí: “**Chất lượng, tiến độ và an toàn vệ sinh lao động**” làm nền tảng xây dựng đưa DICcons trở thành một nhà thầu chuyên nghiệp trong lĩnh vực thi công nhà cao tầng, để tạo lợi thế cạnh tranh và tạo nguồn công việc ổn định cho công ty.

Nỗ lực nâng cao năng lực thi công bằng cách áp dụng những biện pháp thi công mới, đưa các công nghệ xây dựng hiện đại vào nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh và tăng hiệu quả trong công việc.

- **Về đầu tư :** Tập trung nguồn vốn đầu tư các dự án Bất động sản tại tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu và các địa phương lân cận với tỷ trọng ngành nghề định hướng từ 30%÷40% trong cơ cấu hoạt động của Công ty, tạo thu nhập và nguồn công việc cho hoạt động xây lắp. Các dự án Công ty tập trung phát triển bao gồm các khu căn hộ cao cấp, các khu dân cư ... trong đó công ty đang gấp rút triển khai dự án Chung cư cao cấp Chí Linh Center tại TP. Vũng Tàu.
- **Khai khoáng :** Với việc đang sở hữu mỏ đá 3A và mỏ sét tại thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng DIC (công ty con của DICcons) có nhiều thuận lợi để phát triển sản xuất kinh doanh mang lại nguồn lợi nhuận cao hàng năm, do đó mục tiêu của doanh nghiệp là tiếp tục duy trì ổn định trữ lượng khai thác đá hàng năm.
- **Sản xuất :** Tiếp tục nâng cao năng lực cạnh tranh và chất lượng các sản phẩm của Công ty TNHH MTV Vinawindow để gia tăng thị phần, xây dựng thương hiệu mạnh và cung cấp các sản phẩm phục vụ cho hoạt động thi công của Công ty mẹ.

6.2. Chiến lược trung và dài hạn

- Dựa trên chiến lược ngắn hạn để ổn định các hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty và tạo nguồn lực chuẩn bị tốt cho kế hoạch dài hạn.
- Định hướng chiến lược kinh doanh trung và dài hạn với tỷ trọng các ngành nghề như sau:



- Từng bước nâng cao năng lực tài chính, chủ động hoàn toàn về kế hoạch tài chính cho các hoạt động SXKD.
- Dự kiến đến năm 2025 Công ty sẽ tăng vốn điều lệ lên 1.000 tỷ đồng để đáp ứng nguồn vốn phục vụ sản xuất kinh doanh và đầu tư của Công ty.
- Phân đầu trở thành doanh nghiệp xây lắp có thương hiệu mạnh trên thương trường, đến năm 2025 nằm trong Top 20 doanh nghiệp xây lắp hàng đầu của cả nước, có

đủ khả năng tham gia nhận thầu, tổng thầu EPC các dự án với giá trị hàng ngàn tỷ đồng.

- Lựa chọn đầu tư những dự án hiệu quả mang lại giá trị lợi nhuận cao, gia tăng giá trị doanh nghiệp.
- Đầu tư phát triển các dự án nhà ở thương mại kết hợp kinh doanh dịch vụ tạo ra nguồn thu thường xuyên cho công ty, và nguồn công việc cho lĩnh vực xây lắp và sản xuất giúp cho doanh nghiệp phát triển một cách ổn định.
- Vận dụng sáng tạo trong công tác điều hành, tuyển dụng và đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao đáp ứng được chiến lược phát triển, nâng cao hiệu quả kinh doanh.
- Phân đầu từng bước đưa chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế hàng năm của công ty đạt tối thiểu từ 15% vốn điều lệ trở lên, đồng thời chia cổ tức cho cổ đông hàng năm từ 7-10%/vốn điều lệ.

6.3. Các mục tiêu phát triển bền vững về môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty

- Về môi trường: Công ty phát triển sản xuất kinh doanh nhưng luôn quan tâm giữ gìn môi trường, luôn áp dụng các công nghệ tiên tiến thân thiện với môi trường trong sản xuất kinh doanh. Trong quá trình thi công không sử dụng các sản phẩm độc hại và luôn chú trọng đến vệ sinh môi trường tại khu vực các công trường.
- Về xã hội: đối với các hoạt động xã hội hàng năm đều đóng góp ủng hộ các quỹ từ thiện, thăm hỏi, tặng quà cho những gia đình nghèo và hỗ trợ người lao động gặp khó khăn.
- Về cộng đồng: Công ty định hướng phát triển các dự án nhà ở xã hội cho người có thu nhập thấp góp phần vào an sinh xã hội của cộng đồng. Luôn tích cực tham gia ủng hộ các quỹ tình nghĩa, tình thương, phòng chống dịch bệnh, quyên góp vào các phong trào do địa phương phát động.

7. Các rủi ro

- Rủi ro về dịch bệnh: Trước diễn biến phức tạp và sự lây lan của dịch Covid 19 đã tạo ra những bất ổn về kinh tế, có thời điểm phải thực hiện giãn cách xã hội kéo dài theo chỉ thị 16 của Chính phủ đã dẫn đến tình trạng khó khăn cho Công ty ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất kinh doanh và đầu tư.
- Rủi ro về thị trường: Là doanh nghiệp hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực xây lắp do đó Công ty chịu nhiều sự ảnh hưởng của thị trường bất động sản và chính sách quản lý đầu tư xây dựng của Nhà nước. Khi thị trường bất động sản tăng trưởng thì công ty có nhiều cơ hội việc làm để phát triển và khi thị trường bất động sản suy giảm dẫn đến việc sản xuất kinh doanh của công ty cũng gặp những khó khăn nhất định.

- Rủi ro về giá hàng hóa: do đặc thù ngành xây dựng nên nhiều hợp đồng thi công công trình ký với chủ đầu tư đã được xác định giá cả hàng hóa vật liệu xây dựng trước khi thi công. Việc giá cả vật liệu xây dựng thường xuyên biến động, đặc biệt là sắt thép và xi măng tăng vượt qua mọi dự báo của doanh nghiệp đã làm ảnh hưởng nhiều đến quá trình thi công xây dựng các công trình.
- Rủi ro về các chính sách: Chính sách về thuế, lao động hoặc tiền lương của Nhà nước luôn có nhiều ảnh hưởng đến hoạt động SXKD của doanh nghiệp. Các dự án của Công ty bị tác động nhiều bởi các chính sách liên quan đến đất đai do Nhà nước và địa phương ban hành.
- Rủi ro về lãi suất tín dụng: Doanh nghiệp xây lắp phụ thuộc nhiều vào nguồn vốn vay ngân hàng, khi ngân hàng tăng lãi suất cho vay hoặc hạn chế cho vay sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.
- Rủi ro về thu hồi vốn các công trình: Đối với những công trình do Chủ đầu tư gặp khó khăn về nguồn tài chính dẫn đến chậm thanh toán cũng làm ảnh hưởng đến nguồn vốn sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Rủi ro về nhân sự: Là doanh nghiệp xây dựng nên nhân sự hay có sự biến động trong ngắn hạn, đặc biệt là sự chuyển dịch kỹ sư xây dựng và công nhân có tay nghề cao giữa các đơn vị trong cùng ngành. Việc tuyển dụng và đào tạo nguồn lao động mới đôi khi không đáp ứng kịp với sự thay đổi về nhân sự đã tạo ra một khoảng trống ngắn hạn làm ảnh hưởng đến hiệu quả công việc của Công ty.
- Rủi ro về an toàn lao động: Đặc điểm ngành xây dựng là phần lớn người lao động làm việc trong môi trường nguy hiểm cao, vì vậy việc chấp hành các quy định vệ sinh an toàn lao động tại các công trường luôn được công ty đặc biệt chú trọng hạn chế không để xảy ra tai nạn. Vì nếu để xảy ra tai nạn lao động ngoài việc ảnh hưởng đến sức khỏe, tinh thần người lao động còn ảnh hưởng lớn đến uy tín, hình ảnh và vật chất của công ty cũng như sự tín nhiệm của chủ đầu tư và các khách hàng tiềm năng.

II. Tình hình hoạt động trong năm

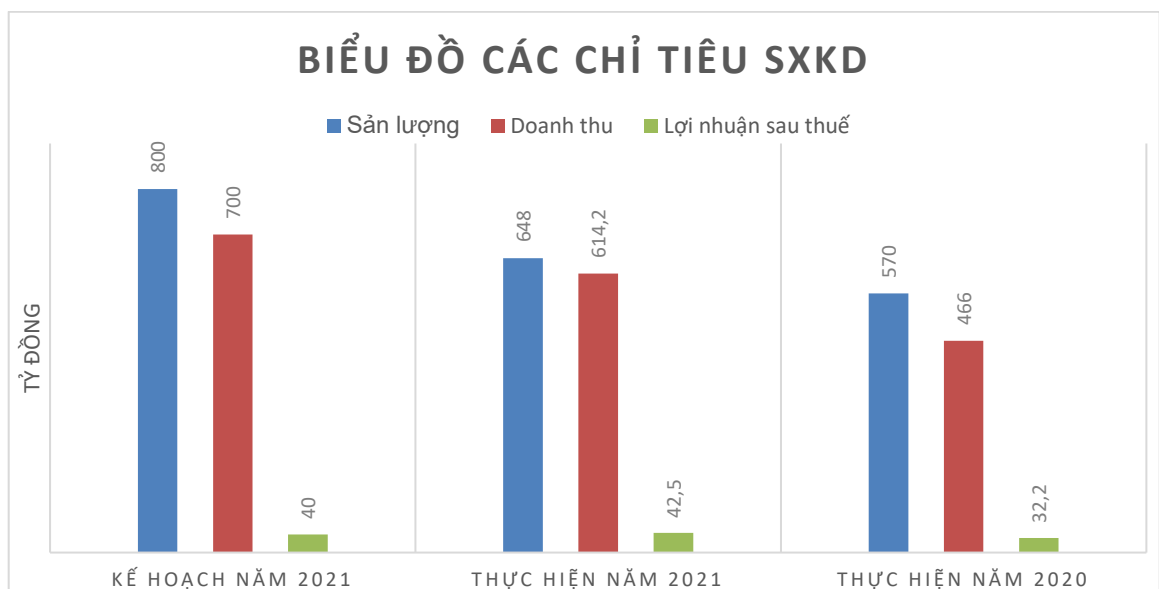
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất trong năm:
 - + Giá trị tổng sản lượng thực hiện: 648,05 tỷ đồng.
 - + Tổng doanh thu: 615,88 tỷ đồng (doanh thu thuần 614,23 tỷ đồng; thu nhập khác 0,46 tỷ đồng; doanh thu tài chính 1,19 tỷ đồng).
 - + Lợi nhuận sau thuế: 42,47 tỷ đồng.
 - + Chi trả cổ tức (trả cổ tức năm tài chính 2020): 5%/vốn điều lệ (5% cổ tức bằng cổ phiếu). Đối với mức cổ tức của năm 2021 sẽ được chi trả trong năm 2022 sau khi được Đại hội cổ đông thông qua.

Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2021 (tỷ đồng)	Thực hiện năm 2021 (tỷ đồng)	Thực hiện năm 2020 (tỷ đồng)	Tỷ lệ hoàn thành / KH (%)	Biến động tăng/giảm so với cùng kỳ (%)
B	1	2	3	4=2/1	5=(2-3)/3
Sản lượng	800	648,05	570,05	81,01	13,68
Doanh thu thuần	700	614,23	466,06	87,75	31,79
Xây lắp	-	513,28	250,33	-	105,04
Kinh doanh vật tư	-	66,24	86,83	-	(23,71)
Cửa nhựa, cửa chống cháy	-	23,83	43,80	-	(45,59)
Doanh thu dịch vụ +khác	-	10,88	85,10	-	(87,21)
Lợi nhuận trước thuế	52	55,43	37,77	106,59	46,76
Lợi nhuận sau thuế	40	42,47	32,22	106,17	31,81
Lãi CB/CP (vnd)	-	1.246	857	-	45,39
Cổ tức	5%÷10%	5%÷10%	5%	-	-

(Dự kiến chi trả trong năm 2022)

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch và năm trước:



- + Giá trị tổng sản lượng thực hiện năm 2021 bằng 81% so với kế hoạch năm 2021 và tăng 13,7% so với thực hiện năm 2020.
- + Doanh thu thực hiện năm 2021 bằng 87,75% so với kế hoạch năm 2021 và tăng 31,79 % so với thực hiện năm 2020.

- + Lợi nhuận sau thuế thực hiện năm 2021 bằng 106,17 % so với kế hoạch năm 2021 và tăng 31,81% so với thực hiện năm 2020.
- + Tỷ lệ chi trả cổ tức cho năm tài chính 2021 dự kiến 5%÷10%, tương đương với thực hiện cho năm tài chính 2020.
- *Nguyên nhân sản lượng và doanh thu thực hiện thấp hơn kế hoạch:*
 - + Do ảnh hưởng từ tình hình dịch bệnh Covid 19 và yêu cầu dân cách xã hội để phòng chống dịch bệnh của Chính phủ trong nhiều tháng dẫn đến nhiều công trình tạm ngừng thi công hoặc bị giãn tiến tiến độ thi công.
 - + Do dịch bệnh, một số dự án đầu tư phải tạm ngừng triển khai mà chủ yếu tập trung vào thực hiện các thủ tục pháp lý.
 - + Các đơn vị thành viên liên quan đến sản xuất phải tạm ngừng hoạt động một thời gian để chống dịch dẫn đến sản lượng và doanh thu sụt giảm mạnh.
 - + Công trình chung cư Chí Linh Center triển khai chậm do một số thủ tục là những nguyên nhân chủ yếu dẫn đến việc Công ty không hoàn thành kế hoạch sản lượng và doanh thu năm 2021.

2. Tổ chức và nhân sự

- **Danh sách Ban điều hành:**

- | | |
|--------------------------------|--|
| (1) Ông Lê Đình Thắng | – Chủ tịch HĐQT chuyên trách |
| (2) Ông Nguyễn Văn Đa | – Phó chủ tịch HĐQT tham gia điều hành |
| (3) Ông Trần Gia Phúc | – Tổng giám đốc |
| (4) Bà Nguyễn Tuyết Hoa | – Phó Tổng giám đốc |
| (5) Ông Võ Trung Kiên | – Phó Tổng giám đốc |
| (6) Ông Nguyễn Văn Tuyền | – Phó Tổng giám đốc |
| (7) Bà Nguyễn Thị Thanh Phương | – Kế toán trưởng |

- **Tóm tắt lý lịch cá nhân trong ban điều hành :**

(1) Lê Đình Thắng – Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty

- + Năm sinh : 1976. Quê quán : Vân Sơn, Triệu Sơn, Thanh Hóa.
- + Trình độ chuyên môn : Kỹ sư kinh tế Xây dựng, cử nhân kinh tế, thạc sỹ quản trị kinh doanh quốc tế (MBA).
- + Quá trình công tác :
 - Từ 10/1997 đến 06/1998: Kế toán tại Phòng Giáo dục huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.
 - Tháng 8/1998: Kế toán tổng hợp cho Công ty Nam Á tại Tp.Vũng Tàu.
 - Tháng 1/1999: Kế toán tổng hợp cho nhà nghỉ Học viện Chính trị Quốc gia Tp.Vũng Tàu.
 - Tháng 03/2000: Kế toán tổng hợp cho Trung Tâm Thương mại viễn thông và Công ty kính xe hơi Tp.HCM.

- Tháng 09/2000: Kế toán tại Xí nghiệp Xây dựng số 4 (sau là Công ty Cổ phần DIC số 4).
 - Tháng 05/2002 được bổ nhiệm giữ chức vụ Kế toán trưởng Công ty.
 - Đến tháng 07/2006 giữ chức Phó Giám đốc thường trực, từ năm 2007 đến tháng 04/2013 là Tổng Giám đốc Công ty.
 - Từ 05/2013 đến 06/2014: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty.
 - Từ 07/2014 đến nay: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần DIC số 4 (nay là Công ty Cổ phần Xây dựng DIC Holdings).
- + Số cổ phần sở hữu và đại diện (18/03/2022) : 17.620.087 cổ phần
- Số cổ phần sở hữu cá nhân : 5.059.193 cổ phần
 - Số cổ phần đại diện DIC Corp : 12.560.894 cổ phần
 - Tỷ lệ sở hữu (cổ phần sở hữu và đại diện /số cổ phần đang lưu hành): 35,24%

(2) Nguyễn Văn Đa – Phó Chủ tịch HĐQT Công ty

- + Năm sinh : 1972. Quê quán : Hồng Quang, Nam Trực, Nam Định
- + Trình độ chuyên môn : Kỹ sư kinh tế Xây dựng.
- + Quá trình công tác :
 - Từ 06/1996 đến 03/1997: Cán bộ kỹ thuật Công ty Vật liệu Xây dựng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
 - Từ 03/1997 đến 03/1999: Cán bộ kỹ thuật Công ty Xây dựng số 14, Tổng Công ty Xây dựng Số 1.
 - Từ 03/1999 đến 06/2014: Cán bộ Kỹ thuật, Trưởng phòng Kỹ thuật, Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần DIC số 4.
 - Từ 05/2013 đến 07/2014: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty.
 - Từ 07/2014 đến 17/02/2021: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần DIC số 4 (nay là Công ty Cổ phần Xây dựng DIC Holdings).
 - Từ 01/2021 đến nay: Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Xây dựng DIC Holdings.
- + Số cổ phần nắm giữ (18/03/2022): 560.124 cổ phần, chiếm tỷ lệ 1,12% trên số cổ phần đang lưu hành.

(3) Trần Gia Phúc – Tổng giám đốc Công ty

- + Năm sinh : 1977. Quê quán : Giao Thiện, Giao Thủy, Nam Định.
- + Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Xây dựng, Cử nhân QTKD.
- + Quá trình công tác :
 - Từ 2000 đến 2001: Giám sát kỹ thuật TOA Corp (Nhật Bản).

- Từ 2002 đến 04/2005: Giám sát kỹ thuật Công ty TNHH Đất Phương Nam.
 - Từ 05/2005 đến 10/2007: Chỉ huy trưởng công trường Công ty DIC Xây dựng.
 - Từ 11/2007 đến 2/2009: Phó Ban quản lý dự án Công ty Cổ phần DIC số 4.
 - Từ 03/2009 đến 06/2014: Trưởng phòng Kỹ thuật Công ty Cổ phần DIC số 4.
 - Từ 07/2014 đến 06/2019: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần DIC số 4.
 - Từ 09/2015 đến nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần DIC số 4.
 - Từ 06/2019 đến 02/2021: Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng DIC.
 - Từ tháng 06/2019: Thôi giữ chức Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần DIC số 4 (nay là Công ty Cổ phần Xây dựng DIC Holdings).
 - Từ 02/2021 đến nay: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng DIC Holdings.
- + Số cổ phần nắm giữ (18/03/2022): 323.378 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,65% trên số cổ phần đang lưu hành.

(4) Nguyễn Tuyết Hoa – Phó Tổng giám đốc Công ty

- + Năm sinh : 1969. Quê quán: Kim Bảng, Hà Nam
- + Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế.
- + Quá trình công tác:
 - Từ 1991 đến 1993: Nhân viên phòng Đầu tư Công ty điện tử Hà Nội.
 - Từ 1993 đến 1996: Nhân viên kế toán Công ty Đèn hình Orion Hanel – Hà Nội.
 - Từ 1996 đến 1998: Nhân viên kế toán Sở Giao thông vận tải, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.
 - Từ 2002 đến 2003: Nhân viên kế toán Công ty TNHH Phúc Thuận.
 - Từ 01/2004 đến 12/2004: Nhân viên kế toán tổng hợp Xí nghiệp Xây dựng số 4, Công ty Đầu tư Phát triển Xây dựng, Bộ Xây dựng, nay là Công ty Cổ phần DIC số 4.
 - Từ 01/2005 đến 06/2006: Nhân viên kế toán tổng hợp Công ty.
 - Từ 07/2006 đến 12/2017: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần DIC số 4.
 - Từ tháng 01/2018 đến nay: Phó Tổng giám đốc Công ty (nay là Công ty Cổ phần Xây dựng DIC Holdings).
 - Từ 01/06/2019 đến nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng DIC.

- + Số cổ phần nắm giữ (18/03/2022): 99.668 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,20% trên số cổ phần đang lưu hành.

(5) Võ Trung Kiên – Phó Tổng giám đốc Công ty

- + Năm sinh: 1982. Quê quán: Xã Phúc Đồng – huyện Hương Khê – Tỉnh Hà Tĩnh.
- + Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Xây dựng.
- + Quá trình công tác:
 - Từ 11/2011 - 10/2014: Chỉ huy trưởng công trình Bệnh viện đa khoa Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu của Công ty Cổ phần DIC số 4.
 - Từ 11/2014 - 6/2016: Chỉ huy trưởng công trình chung cư Phoenix của Công ty Cổ phần DIC số 4.
 - Từ 07/2016 - 12/2017: Chỉ huy trưởng công trình Vinhomes Golden River của Công ty Cổ phần DIC số 4.
 - Từ 01/2018 - 08/2018: TV HĐQT kiêm Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Kỹ thuật Xây dựng INCOTECH.
 - Từ 09/2018 - 05/2019: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty cổ phần xây dựng La Giang.
 - Từ 15/05/2019 đến nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần DIC số 4 (nay là Công ty Cổ phần Xây dựng DIC Holdings).
- + Số cổ phần nắm giữ (18/03/2022): 22.575 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,05% trên số cổ phần đang lưu hành.

(6) Nguyễn Văn Tuyên – Phó Tổng giám đốc Công ty

- + Năm sinh: 1981. Quê quán: Hạ Long, Quảng Ninh
- + Trình độ chuyên môn: Kỹ sư công trình thủy.
- + Quá trình công tác:
 - Từ 5/2005 - 5/2006: Nhân viên phòng Dự án Công ty Âu Lạc Tuần Châu, TP. Hạ Long, Quảng Ninh.
 - Từ 6/2006 - 5/2008: Nhân viên phòng kỹ thuật, tổ trưởng tổ thanh quyết toán của Công ty Cổ phần DIC số 4.
 - Từ 6/2008 - 10/2010: Phó phòng kỹ thuật, Chỉ huy trưởng tòa nhà HMC tại Thành Phố Hồ Chí Minh của Công ty Cổ phần DIC số 4.
 - Từ 11/2010 - 11/2011: Phó phòng kỹ thuật, Chỉ huy trưởng chung cư 557 Âu Cơ tại Thành Phố Hồ Chí Minh của Công ty Cổ phần DIC số 4.
 - Từ 12/2011 - 10/2014: Phó giám đốc chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh, Chỉ huy trưởng công trình Trụ sở làm việc Tổng Công ty Lương thực Miền Nam của Công ty Cổ phần DIC số 4.
 - Từ 11/2014 - 02/2021: Trưởng Phòng Kỹ thuật Công ty Cổ phần DIC số 4 (nay là Công ty Cổ phần Xây dựng DIC Holdings).

- Từ 02/2021 đến nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng DIC Holdings.
- + Số cổ phần nắm giữ (18/03/2022): 111.110 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,22% trên số cổ phần đang lưu hành.

(7) Bà Nguyễn Thị Thanh Phương – Kế toán trưởng Công ty

- + Năm sinh: 1980. Quê quán: Hạ Lễ, Ân Thi, Hưng Yên
 - + Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế.
 - + Quá trình công tác:
 - Tháng 10/2002 đến tháng 06/2014: Làm nhân viên kế toán tại Xí nghiệp Xây dựng Số 4 trực thuộc Công ty Đầu tư Phát triển Xây dựng - Bộ Xây dựng, sau là Công ty Cổ phần DIC số 4.
 - Tháng 07/2014 đến tháng 12/2017: Phó phòng kế toán Công ty.
 - Tháng 01/2018 đến nay: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần DIC số 4 (nay là Công ty Cổ phần Xây dựng DIC Holdings).
 - + Số cổ phần nắm giữ (18/03/2022): 129.559 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,26% trên số cổ phần đang lưu hành.
- Những thay đổi trong Ban điều hành: Công ty có sự thay các chức danh trong Ban điều hành, cụ thể như sau:
- + Bổ nhiệm ông Nguyễn Văn Dương – Kỹ sư thủy lợi, giữ chức Phó Tổng giám đốc đầu tư Công ty từ ngày 07/01/2021.
 - + Miễn nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc của ông Nguyễn Văn Đa kể từ ngày 17/02/2021.
 - + Bổ nhiệm ông Trần Gia Phúc (thành viên HĐQT Công ty) giữ chức vụ Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng DIC Holdings. Thời gian bổ nhiệm 05 năm kể từ ngày 17/02/2021.
 - + Bổ nhiệm ông Nguyễn Văn Tuyển – Kỹ sư công trình thủy, giữ chức Phó Tổng giám đốc Kỹ thuật Công ty, thời gian bổ nhiệm 05 năm kể từ ngày 17/02/2021.
 - + Miễn nhiệm chức vụ Phó Tổng giám đốc Đầu tư của ông Nguyễn Văn Dương từ ngày 01/07/2021.
- Số lượng cán bộ, nhân viên:
- + Tổng số lao động bình quân trong năm: 152 người
 - + Chính sách đối với người lao động :
 - Người lao động ký hợp đồng với công ty được hưởng đầy đủ các chế độ phúc lợi như bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn lao động (tại các công trường).
 - Hàng năm được khám sức khỏe định kỳ và đi tham quan du lịch.

- Công ty luôn quan tâm đến đời sống người lao động, tổ chức thăm hỏi CBCNV khi hiếu, hỷ hoặc ốm đau thai sản ...
- Được nhận đầy đủ các khoản tiền lương, tiền thưởng, được nghỉ các ngày lễ tết, làm việc ngoài giờ được tính lương tăng ca theo quy định của nhà nước.
- Hàng năm con em CBCNV lao động có thành tích học tập xuất sắc được Công ty khen thưởng.
- Người lao động được công ty cử tham dự các khóa học để nâng cao nghiệp vụ, trình độ chuyên môn, được tập huấn các khóa cập nhật kiến thức về pháp luật.
- Người lao động tại tòa nhà văn phòng công ty được tập huấn đầy đủ phòng cháy chữa cháy và kỹ năng thoát hiểm nếu xảy ra sự cố.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

3.1 Các khoản đầu tư lớn

a. Các dự án tiêu biểu:

- ***Dự án chung cư cao cấp Chí Linh Center :***



- + Vị trí: Dự án chung cư “ Chí Linh Center ” tại Đường 2 tháng 9, Khu trung tâm đô thị Chí Linh, thành phố Vũng Tàu và nằm tại ngã tư đường 51B (đường 2/9) với mặt đường rộng 62m và đường Nguyễn Hữu Cảnh rộng 36m.
- + Quy mô dự án: Đây là dự án thành phần thuộc dự án Khu trung tâm Chí Linh đã được phê duyệt thiết kế cơ sở, có diện tích khu đất là 7.482,07 m², diện tích đất xây dựng 4.398,57 m², tổng diện tích sàn xây dựng là 94.571,8 m², gồm

595 căn hộ, chiều cao công trình là 90,35 m2 gồm 25 tầng. Tổng mức đầu tư dự kiến khoảng 1.289,9 tỷ đồng.

- + Tiến độ thực hiện: đang thi công, dự kiến năm 2024 sẽ hoàn thành công trình đưa vào sử dụng, bàn giao căn hộ cho khách hàng.

b. *Tiến độ sử dụng vốn từ việc phát hành chào bán chứng khoán:*

- Trong năm 2021, Công ty không có khoản sử dụng vốn từ việc phát hành chào bán chứng khoán cần phải báo cáo.

3.2 Các công ty con:

a. *Công ty TNHH MTV Vinawindow:*

- Tóm tắt về tình hình hoạt động:

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Số đầu năm (01/01/2021)	Số cuối năm (31/12/2021)
1	Tổng tài sản	đồng	23.535.345.251	15.694.626.264
1.1	Tài sản ngắn hạn	đồng	22.533.751.622	14.774.954.602
1.2	Tài sản dài hạn	đồng	1.001.593.629	919.671.662
2	Nợ phải trả	đồng	13.277.185.270	5.369.910.976
2.1	Nợ ngắn hạn	đồng	13.277.185.270	5.369.910.976
2.2	Nợ dài hạn	đồng	0	
3	Vốn chủ sở hữu	đồng	10.258.159.981	10.324.715.288
4	Lợi nhuận trước thuế	đồng	6.019.104.203	100.010.938

- + Công ty TNHH MTV Vinawindow được đầu tư vốn thành lập theo Quyết định đầu tư vốn số 26A/QĐ-DIC4 ngày 01/04/2020 của Công ty Cổ phần Xây dựng DIC Holdings. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3502422138 đăng ký lần đầu ngày 21 tháng 04 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp.
- + Vốn điều lệ: 10.000.000.000 đồng Việt Nam.
- + Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty là sản xuất, lắp đặt cửa nhựa, cửa nhôm kính, cửa thép chống cháy.

- + Công ty hoạt động theo loại hình TNHH MTV do Công ty Cổ phần Xây dựng DIC Holdings làm chủ sở hữu được tổ chức quản lý theo mô hình: Chủ tịch Công ty (Người đại diện theo Pháp luật), Kiểm soát viên.
- + Để đảm bảo quá trình hoạt động được hiệu quả, Công ty có thành lập các bộ phận như sau:
 - Ban giám đốc: gồm 01 Quyền giám đốc và 02 Phó giám đốc
 - Phòng Kế toán – Tổng hợp
 - Phòng Kỹ thuật – Kinh doanh
- + Nhân sự chủ chốt:
 - Ông Lê Đình Thắng - Chủ tịch Công ty
 - Bà Lương Thị Châu - Kiểm soát viên
 - Ông Bùi Hồng Minh giữ chức Quyền giám đốc từ ngày 02/11/2020 đến ngày 30/11/2021.
 - Ông Lê Đình Hiên giữ chức Quyền giám đốc từ ngày 01/12/2021 đến ngày 15/03/2022.
 - Ông Nguyễn Thanh Sơn giữ chức Phó giám đốc từ ngày 29/04/2020 đến ngày 13/06/2021.
 - Ông Nguyễn Văn Mạnh giữ chức Phó Giám đốc từ ngày 03/11/2020.
 - Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy giữ chức Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng Kế toán – Tổng hợp.
 - Ông Trần Công Hoan giữ chức Trưởng phòng Kỹ thuật – Kinh doanh.
- Tình hình tài chính:

Chỉ tiêu	Đvt	Năm 2020	Năm 2021	(%) tăng/ giảm
Tổng giá trị sản lượng	đồng	36.228.991.071	13.332.267.000	(63,20)
Tổng doanh thu	đồng	48.657.631.205	25.796.417.227	(46,98)
Lợi nhuận sau thuế	đồng	5.163.199.614	66.555.307	(98,71)

- + Tổng doanh thu đạt 25.796.417.227 đồng, đạt 70,3% so với kế hoạch.
- + Lợi nhuận sau thuế: 66.555.307 đồng, đạt 6,7% so với kế hoạch đề ra.
- + Các chỉ số tài chính cơ bản :
 - Tổng nợ/Tổng tài sản : 0,34
 - Doanh thu thuần/Tổng tài sản: 1,64

b. Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng DIC:

- Tóm tắt về tình hình hoạt động:

Stt	Chỉ Tiêu	Đvt	Số đầu năm	Số cuối năm
1	Tổng tài sản	đồng	61.034.494.055	76.513.216.984
1.1	Tài sản ngắn hạn	đồng	36.435.795.442	54.288.900.991
1.2	Tài sản dài hạn	đồng	24.598.698.613	22.224.315.993
2	Nợ phải trả	đồng	15.156.357.094	14.934.441.029
2.1	Nợ ngắn hạn	đồng	12.956.193.784	7.464.566.338
2.2	Nợ dài hạn	đồng	2.200.163.340	7.469.874.691
3	Vốn chủ sở hữu	đồng	45.878.136.961	61.578.775.955

- + Trong năm về cơ cấu tổ chức được ổn định (do tái cấu trúc từ năm trước).
- + Hoạt động kinh doanh chủ yếu là khai thác và chế biến đá xây dựng; khai thác thác đất sét tại mỏ sét Mỹ Xuân 3.
- + Tài sản xây dựng trong năm nâng cấp, cải tạo đường vào Mỏ đá để phục vụ công tác bán hàng.

- Tình hình tài chính:

Chỉ tiêu	Đvt	Năm 2020	Năm 2021	(%) tăng/ giảm
Tổng giá trị sản lượng	đồng	85.620.627.500	75.039.000.000	(12,4)
Tổng doanh thu	đồng	86.064.212.456	72.619.505.434	(15,6)
Lợi nhuận sau thuế	đồng	18.808.584.290	16.180.638.994	(14,0)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	đồng	2.137	1.838	(14,0)

- + Đánh giá về các hoạt động tài chính trong năm 2021.
 - Năm 2021 đơn vị chủ động được nguồn vốn sản xuất kinh doanh giảm phụ thuộc vào nguồn vốn vay.
 - Vấn đề thu hồi công nợ tương đối tốt, tuy nhiên vẫn còn một số khách hàng thanh toán chậm.
- + Thanh toán các khoản phải trả rất tốt như: Trả lương thưởng, nợ khách hàng cung cấp dịch vụ, vật tư cho sản xuất; Nộp ngân sách và bảo hiểm XH, BHYT, BHTN đầy đủ, đúng hạn...

4. Tình hình tài chính trên báo cáo hợp nhất

4.1. Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Đvt	Năm 2020	Năm 2021	(%) tăng/ (giảm)
Tổng giá trị tài sản	đồng	622.333.241.237	981.693.091.222	57,74
Doanh thu thuần	đồng	466.063.127.561	614.226.154.267	31,79
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	đồng	37.942.927.142	57.073.672.476	50,42
Lợi nhuận khác	đồng	(176.554.627)	(1.639.923.403)	(832)
Lợi nhuận trước thuế	đồng	37.766.372.515	55.433.749.073	46,78
Lợi nhuận sau thuế	đồng	32.217.429.687	42.466.338.764	31,81
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	%	5%	Dự kiến 5%-10%	

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>		
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn : Tài sản ngắn hạn / Nợ ngắn hạn	2,09	2,41
+ Hệ số thanh toán nhanh : (TS ngắn hạn - Hàng tồn kho) / Nợ ngắn hạn	1,13	1,57
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>		
+ Hệ số Nợ / Tổng tài sản	0,41	0,38
+ Hệ số Nợ / Vốn chủ sở hữu	0,68	0,63
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>		
+ Vòng quay hàng tồn kho : Giá vốn hàng bán / Hàng tồn kho bình quân	1,44	1,90
+ Doanh thu thuần / Tổng tài sản	0,75	0,62

4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,07	0,07
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,09	0,07
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,05	0,04
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,08	0,09

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

5.1. Cổ phần

- Tổng số cổ phần niêm yết : 50.000.000 cổ phần
- Tổng số cổ phần đang lưu hành : 50.000.000 cổ phần
 - + Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do : 33.099.465 cổ phần
 - + Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng : 16.900.535 cổ phần

Trong đó:

- Cổ phần hạn chế chuyển nhượng đến ngày 08/09/2022 : 500.000 cổ phần
- Cổ phần hạn chế chuyển nhượng đến ngày 25/11/2022 : 1.650.000 cổ phần
- Cổ phần hạn chế chuyển nhượng đến ngày 04/01/2025 : 14.750.535 cổ phần

- **Cơ cấu cổ đông năm 2021 (theo danh sách cổ đông chốt ngày 18/03/2022 của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam):**

Stt	Cơ cấu cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	% vốn điều lệ
I	Cổ đông lớn	5	36.736.727	73,47%
	Cổ đông nhỏ	2409	13.263.273	26,53%
II	Cổ đông tổ chức	40	30.121.011	60,24%
	Cổ đông cá nhân	2374	19.878.989	39,76%
III	Cổ đông trong nước	2405	49.927.156	99,85%
	Cổ đông nước ngoài	9	72.844	0,15%
IV	Cổ đông nhà nước	0	0	0,00%
	Cổ đông khác	2414	50.000.000	100%

5.2. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

- Các đợt tăng vốn cổ phần của Công ty:

Stt	Phát hành tăng vốn	Nội dung chi tiết
1	Tăng vốn đợt 01 ngày 30/11/2006	
	<i>Hình thức phát hành</i>	<i>Phát hành chào bán riêng lẻ</i>
	- Số lượng phát hành	320.000 cổ phiếu
	- Giá phát hành	10.000 đồng/cổ phiếu
	- Số lượng cổ đông	10
	- Vốn điều lệ sau phát hành	8.200.000.000 đồng
2	Tăng vốn đợt 02 ngày 15/01/2007	
	<i>Hình thức phát hành</i>	<i>Phát hành chào bán riêng lẻ</i>
	- Số lượng phát hành	180.000 cổ phiếu
	- Giá phát hành	10.000 đồng/cổ phiếu
	- Số lượng cổ đông	8
	- Vốn điều lệ sau phát hành	10.000.000.000 đồng
3	Tăng vốn đợt 03 ngày 27/06/2007	
	<i>a. Hình thức phát hành</i>	<i>Phát hành chào bán cho Cổ đông hiện hữu</i>
	- Số lượng phát hành	300.000 cổ phiếu
	- Giá phát hành	10.000 đồng/cổ phiếu
	- Số lượng cổ đông	33
	- Vốn điều lệ sau phát hành	13.000.000.000 đồng
	<i>b. Hình thức phát hành</i>	<i>Phát hành chào bán riêng lẻ</i>
	- Số lượng phát hành	500.000 cổ phiếu
	- Giá phát hành	15.614 đồng/cổ phiếu
	- Số lượng cổ đông	24
	- Vốn điều lệ sau phát hành	18.000.000.000 đồng
	<i>c. Hình thức phát hành</i>	<i>Phát hành chào bán cho Cổ đông chiến lược</i>
	- Số lượng phát hành	200.000 cổ phiếu
- Giá phát hành	15.000 đồng/cổ phiếu	
- Số lượng cổ đông	01	
- Vốn điều lệ sau phát hành	20.000.000.000 đồng	
4	Tăng vốn đợt 04 (niêm yết bổ sung ngày 05/08/2009)	

Stt	Phát hành tăng vốn	Nội dung chi tiết
	<i>Hình thức phát hành</i>	<i>Phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2018 cho Cổ đông hiện hữu</i>
	- Số lượng phát hành	139.996 cổ phiếu
	- Tỷ lệ phân bổ quyền	7%
	- Số lượng cổ đông	354
	- Vốn điều lệ sau phát hành	21.399.960.000 đồng
	Tăng vốn đợt 05 (niêm yết bổ sung ngày 19/10/2010)	
	<i>a. Hình thức phát hành</i>	<i>Phát hành cổ phiếu chào bán cho Cổ đông hiện hữu</i>
	- Số lượng phát hành	1.054.215 cổ phiếu
	- Giá phát hành	12.000 đồng/cổ phiếu
	- Số lượng cổ đông	699
	<i>b. Hình thức phát hành</i>	<i>Phân phối số cổ phiếu không bán hết của cổ đông hiện hữu cho Tổ chức Công đoàn</i>
	- Số lượng phát hành	15.783 cổ phiếu
	- Giá phát hành	15.100 đồng/cổ phiếu
	- Số lượng cổ đông	1
5	<i>c. Hình thức phát hành</i>	<i>Phát hành cổ phiếu chào bán cho Cán bộ nhân viên</i>
	- Số lượng phát hành	107.000 cổ phiếu
	- Giá phát hành	12.000 đồng/cổ phiếu
	- Số lượng cổ đông	12
	<i>d. Hình thức phát hành</i>	<i>Phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2019 cho Cổ đông hiện hữu</i>
	- Số lượng phát hành	427.930 cổ phiếu
	- Tỷ lệ phân bổ quyền	5:1 (20%)
	- Số lượng cổ đông	699
	<i>e. Hình thức phát hành</i>	
	- Số lượng phát hành	427.930 cổ phiếu
	- Tỷ lệ phân bổ quyền	5:1 (20%)
	- Số lượng cổ đông	699

Stt	Phát hành tăng vốn	Nội dung chi tiết
	<i>f. Hình thức phát hành</i>	<i>Phân phối số cổ phiếu lẻ trả cổ tức bằng cổ phiếu của cổ đông hiện hữu cho Tổ chức Công đoàn</i>
	- Số lượng phát hành	69 cổ phiếu
	- Tỷ lệ phân bổ quyền	20%
	- Số lượng cổ đông	1
	<i>g. Hình thức phát hành</i>	<i>Phát hành cổ phiếu chào bán cho Nhà đầu tư chiến lược</i>
	- Số lượng phát hành	1.255.007 cổ phiếu
	- Giá phát hành	15.100 đồng/cổ phiếu
	- Số lượng cổ đông	04
	Vốn điều lệ sau phát hành	50.000.000.000 đồng
Tăng vốn đợt 06 (niêm yết bổ sung ngày 21/11/2014)		
6	<i>Hình thức phát hành</i>	<i>Phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2013 cho Cổ đông hiện hữu</i>
	- Số lượng phát hành	249.846 cổ phiếu
	- Tỷ lệ phân bổ quyền	20:1 (5%)
	- Số lượng cổ đông	632
	- Vốn điều lệ sau phát hành	52.498.600.000 đồng
Tăng vốn đợt 07 (niêm yết bổ sung ngày 30/11/2015)		
7	<i>Hình thức phát hành</i>	<i>Phát hành cổ phiếu thưởng cho Cổ đông hiện hữu</i>
	- Số lượng phát hành	262.215 cổ phiếu
	- Tỷ lệ phân bổ quyền	20:1 (5%)
	- Số lượng cổ đông	589
	- Vốn điều lệ sau phát hành	55.120.610.000 đồng
Tăng vốn đợt 08 (niêm yết bổ sung 14/05/2018)		
8	<i>a. Hình thức phát hành</i>	<i>Phát hành cổ phiếu chào bán cho Cổ đông hiện hữu</i>
	➤ <i>Loại phát hành</i>	<i>Cổ đông hiện hữu mua</i>
	- Số lượng phát hành	6.769 cổ phiếu
	- Giá phát hành	10.000 đồng/cổ phiếu
	- Số lượng cổ đông	9

Stt	Phát hành tăng vốn	Nội dung chi tiết
	➤ <i>Loại phát hành</i>	<i>Xử lý cổ phiếu không phân phối hết</i>
	- Số lượng phát hành	3.930.466 cổ phiếu
	- Giá phát hành	10.000 đồng/cổ phiếu
	- Số lượng cổ đông	17
	<i>b. Hình thức phát hành</i>	<i>Phát hành cổ phiếu thưởng cho Cổ đông hiện hữu</i>
	- Số lượng phát hành	275.352 cổ phiếu
	- Tỷ lệ phân bổ quyền	20:1 (5%)
	- Số lượng cổ đông	636
	<i>c. Hình thức phát hành</i>	<i>Phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2016 cho Cổ đông hiện hữu</i>
	- Số lượng phát hành	275.352 cổ phiếu
	- Tỷ lệ phân bổ quyền	20:1 (5%)
	- Số lượng cổ đông	636
	- Vốn điều lệ sau phát hành	100.000.000.000 đồng
	<i>Tăng vốn đợt 09 (niêm yết bổ sung ngày 12/11/2018)</i>	
	<i>Hình thức phát hành</i>	<i>Phát hành cổ phiếu chuyển đổi Trái phiếu</i>
9	- Số lượng phát hành	1.000.000 cổ phiếu
	- Giá phát hành	10.000 đồng/cổ phiếu
	- Số lượng cổ đông	07
	- Vốn điều lệ sau phát hành	110.000.000.000 đồng
	<i>Tăng vốn đợt 10 (niêm yết bổ sung ngày 08/08/2019)</i>	
	<i>Hình thức phát hành</i>	<i>Phát hành cổ phiếu trả cổ tức cho Cổ đông hiện hữu</i>
10	- Số lượng phát hành	1.099.764 cổ phiếu
	- Tỷ lệ phân bổ quyền	10:1 (10%)
	- Số lượng cổ đông	530
	- Vốn điều lệ sau phát hành	120.997.640.000 đồng
	<i>Tăng vốn đợt 11 (niêm yết bổ sung ngày 08/11/2019)</i>	
	<i>Hình thức phát hành</i>	<i>Phát hành chào bán cổ phiếu riêng lẻ</i>
11	- Số lượng phát hành	16.900.236 cổ phiếu
	- Giá phát hành	10.000 đồng/cổ phiếu

Stt	Phát hành tăng vốn	Nội dung chi tiết
	- Số lượng cổ đông	31
	- Vốn điều lệ sau phát hành	290.000.000.000 đồng
	Tăng vốn đợt 12 (niêm yết bổ sung ngày 16/03/2020)	
	<i>Hình thức phát hành</i>	<i>Phát hành cổ phiếu chuyển đổi Trái phiếu</i>
12	- Số lượng phát hành	1.000.000 cổ phiếu
	- Giá phát hành	10.000 đồng/cổ phiếu
	- Số lượng cổ đông	07
	- Vốn điều lệ sau phát hành	300.000.000.000 đồng
	Tăng vốn đợt 13 (niêm yết bổ sung ngày 09/11/2020)	
	<i>a. Hình thức phát hành</i>	<i>Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức</i>
	- Số lượng phát hành	1.499.758 cổ phiếu
	- Tỷ lệ phân bổ quyền	20:1 (5%)
	- Số lượng cổ đông	606
13	<i>b. Hình thức phát hành</i>	<i>Phát hành cổ phiếu thưởng theo chương trình lựa chọn cho người lao động Công ty (ESOP)</i>
	- Số lượng phát hành	500.000 cổ phiếu
	- Số lượng cổ đông	49
	- Thời gian bị hạn chế chuyển nhượng	Từ 09/09/2020 đến 08/09/2022
	- Vốn điều lệ sau phát hành	319.997.580.000 đồng
	Tăng vốn đợt 14 (niêm yết bổ sung ngày 16/08/2021)	
	<i>Hình thức phát hành</i>	<i>Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức</i>
14	- Số lượng phát hành	1.599.707 cổ phiếu
	- Tỷ lệ phân bổ quyền	20:1 (5%)
	- Số lượng cổ đông	706
	- Vốn điều lệ sau phát hành	335.994.650.000 đồng
	Tăng vốn đợt 15 (niêm yết bổ sung ngày 21/01/2022)	
	<i>Hình thức phát hành</i>	<i>Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động Công ty (ESOP)</i>
15	- Số lượng phát hành	1.650.000 cổ phiếu
	- Giá phát hành	10.000 đồng/cổ phiếu

Stt	Phát hành tăng vốn	Nội dung chi tiết
	- Số lượng cổ đông	86
	- Vốn điều lệ sau phát hành	352.494.650.000 đồng
	Tăng vốn đợt 16 (niêm yết bổ sung ngày 03/03/2022)	
	<i>Hình thức phát hành</i>	<i>Phát hành cổ phiếu chào bán riêng lẻ</i>
16	- Số lượng phát hành	14.750.535 cổ phiếu
	- Giá phát hành	12.000 đồng/cổ phiếu
	- Số lượng cổ đông	09
	- Vốn điều lệ sau phát hành	500.000.000.000 đồng

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu tại thời điểm báo cáo: 500.000.000.000 đồng.

5.3. **Giao dịch cổ phiếu quỹ**

- Số lượng cổ phiếu quỹ tại thời điểm 31/12/2021: 0 cổ phiếu.
- Trong kỳ, Công ty không có các hoạt động giao dịch cổ phiếu quỹ.

5.4. **Các chứng khoán khác: Không.**

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. **Quản lý nguồn nguyên vật liệu**

- Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm: Sản xuất nguyên vật liệu là đá, sét
- Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức : Công ty không sản xuất nguyên vật liệu được tái chế.

6.2. **Tiêu thụ năng lượng**

- Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp :
 - Ngoài điện dùng trong thi công và sản xuất thì Công ty có sử dụng xăng, dầu phục vụ các phương tiện vận chuyển, máy móc thiết bị thi công tại các công trường và vận hành máy phát điện khi cần thiết.
 - Năng lượng điện Công ty tiêu thụ năm 2021 là 1.307.669.920 đồng. Trong đó: tại Trụ sở làm việc là 248.981.362 đồng, tại các công trường là 708.735.926 đồng, tại các mặt bằng cho thuê là 349.952.632 đồng, tại Nhà máy cửa nhựa cao cấp Vinawindow là 50.299.078 đồng, tại Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng DIC là 860.727.573 đồng.
- Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Không.

- c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo): Không.

6.3. Tiêu thụ nước (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)

- a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng:
- Tại các công trường và nhà máy công ty sử dụng nước do các công ty cấp nước cung cấp. Trong năm 2021, tiền nước sử dụng phải nộp tại Trụ sở Công ty 19.520.265 đồng, tại các công trường là 189.701.111 đồng, tại các mặt bằng cho thuê là 74.045.625 đồng.
 - Tại Công ty TNHH MTV Vinawindow sử dụng nước sản xuất và khối lượng nước thải với số tiền tương ứng phải đóng là 3.500.000 đồng.
 - Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng DIC sử dụng nước với giá trị phải nộp trong năm là 27.819.375 đồng.
- b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Không.

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

- a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không.
- b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không.

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

- a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:
- Đối với Công ty mẹ (DICcons):
 - Tổng số lao động dài hạn bình quân trong năm là 152 người, mức lương trung bình của mỗi người lao động là 14,2 triệu đồng/tháng.
 - Đối với Công ty con:

📌 Công ty TNHH MTV Vinawindow:

- Tổng số lao động bình quân trong năm là 42 người, mức lương trung bình của mỗi người lao động là 8,89 triệu đồng/tháng. Trong đó :
 - Lao động dài hạn là 41 người, mức lương trung bình mỗi người là 8,9 triệu đồng/tháng.
 - Lao động ngắn hạn thời vụ là 01 người.

📌 Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng DIC:

- Tổng số lao động bình quân trong năm là 36 người, mức lương trung bình của mỗi người lao động là 9,5 triệu đồng/tháng. Trong đó :
 - Lao động dài hạn là 34 người, mức lương trung bình mỗi người là 9,7 triệu đồng/tháng.
 - Lao động ngắn hạn thời vụ là 2 người, mức lương trung bình mỗi người là 5 triệu đồng/tháng.

- b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:
- Người lao động ký hợp đồng với công ty được hưởng đầy đủ các chế độ như bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn lao động (tại các công trường).
 - Để đảm bảo sức khỏe cho người lao động, Công ty có áp dụng thời gian nghỉ ngơi giữa các giờ làm việc theo quy định của pháp luật hiện hành.
 - Người lao động làm việc tại các công trường hay làm các công việc mang tính chất nguy hiểm đều được trang bị các phương tiện bảo hộ lao động đầy đủ.
 - Một số chế độ phúc lợi công ty đang áp dụng cho người lao động:
 - + Được khám sức khỏe định kỳ và đi tham quan du lịch hàng năm.
 - + Được tổ chức thăm hỏi và tặng quà cho người lao động và gia đình khi có hiếu, hỷ hoặc ốm đau thai sản ...
 - + Được nhận đầy đủ các khoản tiền lương, tiền thưởng, được nghỉ các ngày lễ tết, làm việc ngoài giờ được tính lương tăng ca theo quy định của nhà nước.
 - + Được thưởng khi có thành tích xuất sắc trong lao động.
- c) Hoạt động đào tạo người lao động:
- Tất cả người lao động khi được tuyển dụng vào công ty đều phải học các khóa về an toàn lao động trong 16 giờ.
 - Đối với những người làm việc tại các công trường bắt buộc phải có chứng chỉ an toàn lao động có giá trị sử dụng trong thời hạn 2 năm. Vì vậy hàng năm công ty đều tổ chức các khóa đào tạo và cấp chứng chỉ cho người lao động.
 - Công ty có tổ chức các khóa học mời các giảng viên có uy tín về giảng dạy nhằm giúp người lao động nâng cao ý thức trong công việc và phát huy văn hóa doanh nghiệp.
 - Đối với từng bộ phận chuyên môn nghiệp vụ, tùy theo yêu cầu được đào tạo của cán bộ công nhân viên và người phụ trách bộ phận, công ty luôn tạo điều kiện và hỗ trợ tài chính để người lao động được tham gia các khóa đào tạo nhằm nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.
 - Người lao động luôn được tham gia các lớp tập huấn tìm hiểu, cập nhật về các qui định của pháp luật liên quan đến công việc do các cơ quan Nhà nước tổ chức.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

- Công ty luôn quan tâm cho cộng đồng và an sinh xã hội của địa phương, trong đó năm 2021 đóng góp với số tiền gần 400 triệu cho các hoạt động sau:
 - + Tham gia Tài trợ tổ chức Đại hội VI Hội kiến trúc Sư tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.
 - + Ủng hộ quỹ vắc xin phòng chống covid của Hội chữ thập đỏ TP Bà Rịa.
 - + Ủng hộ bếp ăn từ thiện phòng chống covid tp Vũng Tàu.
 - + Ủng hộ 200 suất quà cho người dân bị phong tỏa cho MTTQ Tp. Bà Rịa.

- + Ủng hộ khẩu trang cho tuyến đầu chống dịch như CLB báo chí, Đài phát thanh truyền hình, Báo Bà Rịa – Vũng Tàu.
- + Ủng hộ Quỹ phòng chống dịch bệnh covid cho những trường hợp khó khăn TP Vũng Tàu.
- + Ủng hộ quỹ ATM gạo, ATM oxy.
- + Ủng hộ tiền cho trẻ em mồ côi thiệt thòi.
- + Tài trợ cho các hoạt động phong trào ở các phường trong thành phố.
- Ủng hộ, tài trợ cho các địa phương khác các hoạt động sau:
 - + Ủng hộ xây cầu huyện Thới Bình tỉnh Cà Mau với số tiền 100.000.000 đồng.

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

Công ty không có hoạt động nào liên quan đến thị trường vốn xanh.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- ❖ **Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty:** Trong năm 2021 Công ty giữ được sự ổn định và tăng trưởng mạnh về lợi nhuận so với năm trước, luôn chủ động trong giải quyết các công việc, có định hướng phát triển doanh nghiệp rõ ràng. Doanh thu thuần 614,22 tỷ đồng tăng 31,79 % so với thực hiện năm 2020 (466,06 tỷ đồng). Lợi nhuận sau thuế đạt 42,47 tỷ đồng tăng 31,81% so với thực hiện năm 2020 (32,22 tỷ đồng) tạo cơ sở để phát triển mạnh mẽ ở các năm tiếp theo. Công ty ổn định được nguồn tài chính cho hoạt động SXKD, hoàn thành tăng vốn điều lệ lên 500 tỷ đồng.
- *Nguyên nhân và trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc:*
- ❖ Nguyên nhân doanh thu thực hiện chưa đạt kế hoạch năm 2021 (doanh thu đạt 87,75% kế hoạch) chủ yếu là:
 - + Do một số công trình lớn nằm trong kế hoạch thi công có những khó khăn từ phía chủ đầu tư nên chậm triển khai hoặc dẫn tiến độ do vướng mắc các thủ tục pháp lý, tình hình dịch bệnh.
 - + Một số dự án Công ty làm Chủ đầu tư còn vướng mắc về thủ tục pháp lý dự án nên chưa được ghi nhận doanh thu hoặc chưa được triển khai thi công.
 - + Một số công trình có giá trị hợp đồng nhỏ thời gian thi công kéo dài nên thực hiện chưa hiện quả.
- *Trên cơ sở những kết quả đạt được trong năm 2021, Ban lãnh đạo Công ty cũng rút ra được một số bài học kinh nghiệm như sau:*
 - + Cần có sự nghiên cứu về tình hình kinh tế vĩ mô, phân tích được những diễn biến trong trung và dài hạn các lãnh vực Công ty đang hoạt động để từ đó có những chiến lược kinh doanh phù hợp.

- + Cần dự phòng các trường hợp biến động ngắn hạn như dịch bệnh, sự cố tạm ngừng công trình hay chậm triển khai... để có những biện pháp ứng phó kịp thời.
- + Chủ động nguồn vốn sản xuất kinh doanh trong mọi trường hợp. Lựa chọn đầu tư dự án hiệu quả và phù hợp.
- + Phải đánh giá đúng mức độ và điều kiện khó khăn của từng công trình để bố trí nhân sự phù hợp. Mỗi công trình cần thực hiện tốt tất cả các khâu từ “**Đấu thầu – Tổ chức thi công – Thanh quyết toán**” trong đó đấu thầu phải chuẩn xác, thi công phải nhanh, thanh quyết toán phải kịp thời.
- + Chỉ nhận thầu những công trình nằm trong khả năng Công ty thực hiện tốt, đối với công trình có giá nhận thầu quá thấp hoặc điều kiện thi công quá khó khăn thì không tham gia để tránh rủi ro về tài chính.
- + Phải có chiến lược quản trị nhân sự tốt và đưa lên mục tiêu hàng đầu đó là đào tạo, giữ người và thu hút nhân lực có chất lượng (không lấy số lượng bù chất lượng). Tạo điều kiện bằng các cơ chế phân cấp phân quyền quản lý để cá nhân, tập thể có thể phát huy tối đa nội lực sáng tạo và trách nhiệm của mình.

❖ **Những tiến bộ Công ty đã đạt được :**

- + Những năm gần đây Công ty tập trung phát triển hoạt động thi công xây lắp chủ yếu tại địa bàn Đông Nam Bộ trong đó đặc biệt là tại tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và TP.HCM. Việc tập trung thi công các công trình ở địa bàn quen thuộc đã giúp công tác quản lý thi công của Công ty có hiệu quả hơn, thêm vào đó việc thi công nhiều công trình lớn đã nâng cao năng lực cạnh tranh và uy tín của Công ty trên thị trường.
- + Công tác thanh quyết toán và thu hồi vốn cũng có nhiều chuyển biến tích cực đã góp phần giúp Công ty chủ động nguồn vốn phục vụ sản xuất kinh doanh.
- + Công ty vẫn trong quá trình kiện toàn bộ máy nhân sự, đặc biệt là bổ sung những lao động kỹ thuật cao tại các công trường nhằm tăng hiệu quả công việc.
- + Áp dụng các phương pháp và thiết bị hiện đại vào thi công đã góp phần nâng cao chất lượng và đẩy nhanh tiến độ công trình.
- + Tiếp tục duy trì thực hiện Báo cáo công việc hàng ngày của toàn bộ nhân viên trong công ty theo mô hình báo cáo PDCA (Plan – Do – Check – Act), riêng các nhân sự trong bộ phận quản lý được áp dụng mô hình báo cáo riêng để Ban lãnh đạo nắm bắt được kịp thời tất cả các công việc nhằm giải quyết các khó khăn và các hình thức khen thưởng kịp thời giúp công việc hiệu quả hơn.

2. Tình hình tài chính báo cáo hợp nhất

a) Tình hình tài sản

- Tổng tài sản năm 2021 tăng so với năm 2020 là 359.359.849.985 đồng tương ứng với tỷ lệ 36,61 % do các nguyên nhân như sau:
 - + Tiền và các khoản tương đương tiền tăng : 149.616.843.373 đồng
 - + Các khoản phải thu ngắn hạn tăng : 150.062.162.543 đồng
 - + Hàng tồn kho tăng : 72.990.698.430 đồng
 - + TS ngắn hạn khác tăng : 1.024.533.770 đồng
 - + Các khoản phải thu dài hạn tăng : 75.001.782 đồng
 - + TSCĐ giảm : 5.758.271.496 đồng
 - + Đầu tư tài chính dài hạn giảm : 1.000.000.000 đồng
 - + Tài sản dở dang dài hạn giảm : 64.749.262 đồng
 - + Tài sản dài hạn khác giảm : 7.586.369.155 đồng
- b) Tình hình nợ phải trả
 - Tình hình nợ hiện tại : 379.731.794.632 đồng
 - + Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn : 148.124.734.727 đồng
 - + Phải trả người bán ngắn hạn : 62.674.630.709 đồng
 - + Người mua trả tiền trước ngắn hạn : 37.806.274.451 đồng
 - + Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước : 4.871.307.504 đồng
 - + Phải trả người lao động : 5.627.806.797 đồng
 - + Chi phí phải trả ngắn hạn : 30.088.644.942 đồng
 - + Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn : 73.573.363.630 đồng
 - + Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác : 1.916.073.292 đồng
 - + Quỹ khen thưởng phúc lợi : 3.205.200.835 đồng
 - + Chi phí phải trả dài hạn : 3.768.283.054 đồng
 - + Doanh thu chưa thực hiện dài hạn : 4.743.109.761 đồng
 - + Phải trả dài hạn khác : 796.600.000 đồng
 - + Dự phòng phải trả dài hạn : 2.535.764.930 đồng
 - Biến động lớn về các khoản nợ:
 - + Phải trả người bán năm 2021 giảm so với năm 2020 là 8.127.536.886 đồng.
 - + Người mua trả tiền trước ngắn hạn năm 2021 tăng so với năm 2020 là 12.997.274.354 đồng.
 - + Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước năm 2021 giảm so với năm 2020 là 12.997.274.354 đồng.
 - + Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn năm 2021 giảm so với năm 2020 là 9.973.812.437 đồng.
 - + Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn năm 2021 tăng so với năm 2020 là 107.719.544.730 đồng.
 - Nguyên nhân các khoản biến động lớn về nợ:

- Các công trình chung cư Gateway, khách sạn Kiều Anh ... do đến giai đoạn quyết toán để đưa vào bàn giao sử dụng nên công nợ phải thanh toán cho người bán giảm.
- Người mua trả tiền trước năm nay tăng so với năm 2020 do Công ghi nhận tiền tạm ứng khối lượng thi công công trình tòa nhà Viettel Vũng Tàu là: 14.772.150.670 đồng.
- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước giảm so với năm 2020 vì theo nghị định 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 quy định đến năm 31/10/2021 phải nộp thuế TNDN 80% số thuế năm 2021, thuế TNDN năm 2020 nộp trước 31/03/2021.
- Vay ngân hàng năm 2021 tăng so với năm 2020 do trong năm 2021 Công ty sử dụng vốn vay để mua lô đất dự án Long Toàn do Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển và Kinh doanh Nhà làm chủ đầu tư.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Tiếp đà ngày càng phát triển, Công ty đang nỗ lực hoàn thiện cơ cấu tổ chức và bộ máy nhân sự.
- Duy trì họp giao ban định kỳ tại Công ty và các công trường; công tác quản lý được đổi mới góp phần nâng cao hiệu quả công việc.
- Áp dụng báo cáo nhanh trực tuyến thông qua các phần mềm hỗ trợ, giúp lãnh đạo nắm bắt nhanh được công việc để xử lý kịp thời.
- Các chính sách về lương, thưởng luôn được cập nhật để tuân theo quy định hiện hành.
- Công ty tiếp tục hoàn thiện mô hình hoạt động công ty mẹ - công ty con, từng bước tổ chức lại các đơn vị trực thuộc thành các công ty con và kiện toàn bộ máy quản trị.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Tiếp tục duy trì phát triển ổn định các lĩnh vực kinh doanh chủ yếu của công ty duy trì mức tăng trưởng bình quân trong 5 năm tới hàng năm tối thiểu từ 15% trở lên.
- Tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh, khai thác khoáng sản tại Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng DIC theo định hướng của công ty và giao cho đơn vị thực hiện 02 dự án khu dân cư tại TP. Bà Rịa để đưa đơn vị hoạt động hiệu quả. Định hướng phát triển thêm lĩnh vực kinh doanh mới nhằm tăng doanh thu và lợi nhuận cho DIC Vật liệu. Mục tiêu đưa DIC Vật liệu trở thành một công ty mạnh chủ động sản xuất kinh doanh.
- Công ty sẽ tiếp tục tăng vốn điều lệ để nâng cao năng lực về tài chính và đáp ứng yêu cầu phát triển doanh nghiệp.

- Công ty vẫn tập trung phát triển đồng thời 4 lĩnh vực chính là Xây lắp – Đầu tư – Sản xuất – Khai khoáng. Trong đó hoạt động xây lắp là hoạt động cốt lõi của toàn công ty.
- Công ty đang tìm kiếm cơ hội để sát nhập với một số công ty có tiềm năng ở địa phương để mở rộng thị trường, tăng các giá trị sản xuất kinh doanh, nâng cao giá trị hình ảnh và thương hiệu của Công ty.
- Công ty tiếp tục kiện toàn bộ máy nhân sự để phù hợp hơn với định hướng phát triển dài hạn và giảm thiểu rủi ro trong quản lý.

5. Giải trình của Ban Tổng giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: không có.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

a) Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường:

- Hoạt động trong lĩnh vực xây dựng và khai thác đá xây dựng với đặc thù bị ảnh hưởng nhiều bởi bụi và tiếng ồn, tùy theo tình hình thi công Công ty luôn có các giải pháp giảm thiểu các ô nhiễm tác động đến người lao động và môi trường xung quanh công trường. Tại nhà máy cửa nhựa Vinawindow quá trình sản xuất và xử lý nước thải luôn tuân thủ quy định về môi trường của Khu công nghiệp.
- Công ty thường xuyên hợp tác với các đơn vị thẩm định để kiểm tra, đo đạc môi trường làm việc tại các công trường để đảm bảo người lao động luôn được làm việc trong môi trường an toàn và phù hợp sức khỏe.
- Đội ngũ lãnh đạo và cán bộ quản lý thường xuyên kiểm tra nhắc nhở người lao động tại các công trường ý thức được xây dựng được một môi trường làm việc xanh, sạch, đẹp là bảo vệ sức khỏe của bản thân và hình ảnh của Công ty.
- Để tránh tình trạng lãng phí vật tư, các nguồn tài nguyên điện, nước Công ty đã xây dựng nên các nguyên tắc ứng xử để khuyến khích người lao động sử dụng một cách tiết kiệm vật tư và các nguồn tài nguyên nhằm bảo vệ môi trường.
- Luôn chủ động trong việc xử lý các nguồn rác thải, đặc biệt là các nguồn rác thải gây nguy hiểm với môi trường đều được Công ty xử lý một cách triệt để góp phần làm giảm thiểu đến mức thấp nhất ảnh hưởng đến môi trường làm việc và môi trường xung quanh.

b) Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:

- Công tác huấn luyện luôn được Công ty coi trọng, với quan điểm mỗi người lao động là một an toàn vệ sinh viên tại công trường. Công ty thường xuyên có các buổi tuyên truyền, giáo dục đối với người lao động với mục tiêu nâng cao ý thức chấp hành kỷ luật trong công việc, đảm bảo an toàn và vệ sinh trong lao động nhằm ngăn ngừa tai nạn và bệnh nghề nghiệp cho người lao động.

c) Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương:

- Công ty luôn ý thức được trách nhiệm của mình với cộng đồng. Luôn chủ động tham các chương trình xã hội, từ thiện như xây nhà tình thương, tặng quà hộ nghèo.... góp phần vào an sinh xã hội tại địa phương.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

- Năm 2021 trong điều kiện kinh tế với nhiều biến động nhưng các hoạt động của công ty vẫn ổn định và đi vào chiều sâu, phát huy hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- Hiệu quả trong công tác điều hành công ty con là DIC Vật liệu, với việc ổn định được tình hình nhân sự và sản xuất kinh doanh ổn định. Từ đó kết quả kinh doanh hiệu quả của công ty con đã có những đóng góp tích cực vào kết quả kinh doanh toàn công ty sau hợp nhất.
- Đánh giá về các hoạt động cụ thể:
 - + Công tác an toàn lao động: là đơn vị hoạt động trong lĩnh vực xây lắp thường phải đối mặt với nhiều rủi ro tai nạn lao động nên công tác an toàn luôn được HĐQT quan tâm. Công ty thường xuyên tổ chức các khóa học và tập huấn an toàn lao động cho người lao động, từ đó đã có nhiều cải thiện trong quy trình an toàn lao động để áp dụng vào các hoạt động sản xuất kinh doanh. Tại các công trường, công tác ATLĐ-VSMT-PCCN được chú trọng và tăng cường, hoạt động giám sát công tác an toàn lao động luôn được thực hiện chặt chẽ nên luôn hạn chế đến mức thấp nhất tình trạng mất ATLĐ.
 - + Công tác xây lắp: hoạt động kinh doanh chính của Công ty được đánh giá một năm tương đối thuận lợi. Với các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh tăng trưởng vượt bậc so với năm trước đó, đạt được điều này là thành tích đáng ghi nhận của toàn thể người lao động và Ban lãnh đạo Công ty trong năm qua.
 - + Công tác sản xuất và khai thác: việc sản xuất và khai thác ở các đơn vị thành viên đều đạt hiệu quả cao giúp tình hình sản xuất kinh doanh chung của Công ty khả quan hơn.
 - + Công tác đầu tư: Tập trung vào đầu tư các chung cư cao cấp và các khu nhà ở xen kẽ tại Bà Rịa Vũng Tàu.
 - + Công tác tài chính: thực hiện tương đối tốt, phát huy hiệu quả vai trò công tác tài chính đã tạo điều kiện cho hoạt động sản xuất kinh doanh được kịp thời và thông suốt trong toàn Công ty.
 - + Các công tác khác: nhìn chung các mặt hoạt động khác đều có một năm hoạt động thuận lợi, góp phần vào thành công chung trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
 - + Đối với trách nhiệm môi trường và xã hội luôn được Công ty thực hiện tốt.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc

- Trong năm 2021, Ban Tổng giám đốc thường xuyên báo cáo đầy đủ các công tác từ kế hoạch đầu tư, điều hành sản xuất kinh doanh, bố trí phân bổ các nguồn vốn, ký kết hợp đồng và tổ chức nhân sự cho HĐQT, do đó giúp HĐQT nắm bắt được tất cả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Ban Tổng Giám đốc đã quản lý và điều hành các hoạt động của Công ty tuân thủ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Quy chế Quản trị Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT.
- Công việc của người lao động được đảm bảo, thu nhập bình quân tăng so với năm trước thể hiện sự quan tâm đến người lao động đáng ghi nhận của Ban Tổng giám đốc Công ty.
- Công tác tổ chức thi công và thanh quyết toán công trình được đặc biệt quan tâm và giám sát chỉ đạo xử lý các công việc kịp thời.
- HĐQT đánh giá năm 2021 Ban Tổng giám đốc đã có nhiều cố gắng trong chỉ đạo điều hành sản xuất kinh doanh đưa doanh nghiệp vượt qua nhiều khó khăn để hoàn thành nhiệm vụ cụ thể:
 - + Về chỉ tiêu sản xuất kinh doanh: Lợi nhuận sau thuế năm 2021 tăng 31,8% so với năm 2020, đảm bảo việc làm cũng như các chế độ phúc lợi lương thưởng cho người lao động.
 - + Về tài chính: Đã bố trí đầy đủ nguồn vốn phục vụ công tác sản xuất kinh doanh đáp ứng được nhu cầu phát triển của Công ty.
 - + Công tác quản lý điều hành : Chủ động, kịp thời phát huy hiệu quả công việc.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

- Các định hướng hoạt động kinh doanh trong những năm tiếp theo chủ yếu như sau:
 - + Nhận thầu và thi công các công trình chủ đầu tư có năng lực tài chính vững mạnh, không vì áp lực giải quyết công việc làm mà lựa chọn các công trình chủ đầu tư thiếu khả năng thanh toán dẫn đến tình hình tài chính của công ty gặp nhiều khó khăn.
 - + Tiếp tục nâng cao năng lực tài chính và kỹ thuật thi công để phát triển thành một trong những công ty xây dựng uy tín hàng đầu của tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và khu vực.
 - + Tập trung vào hoạt động kinh doanh cốt lõi là thi công xây dựng dân dụng, từng bước nâng cao năng lực cạnh tranh và vị thế của công ty.
 - + Phát triển sang lĩnh vực đầu tư kinh doanh bất động sản để tăng doanh thu và lợi nhuận cũng như tạo việc làm cho hoạt động xây lắp.
- Kế hoạch, định hướng chi trả cổ tức cho cổ đông:
 - + Duy trì mức trả cổ tức cho cổ đông tối thiểu từ 07→10%/năm.
 - + Phân đầu từ năm 2023 mức trả cổ tức từ 10→15%/năm.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

- Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị: Năm 2021 Công ty có 05 thành viên HĐQT, trong đó có 03 thành viên trực tiếp điều hành và 01 thành viên không điều hành, 01 thành viên độc lập HĐQT, cụ thể như sau:

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số cổ phần có quyền biểu quyết	Ghi chú	Chức danh TV.HĐQT tại các công ty khác
1	Lê Đình Thắng	Chủ tịch HĐQT	* Số cổ phần nắm giữ: 17.620.087 cổ phần, trong đó: + Số cổ phần sở hữu cá nhân: 5.059.193 cổ phần. + Số cổ phần đại diện DIC Corp: 12.560.894 cổ phần. * Tỷ lệ sở hữu: 35,24 %	Điều hành	- Chủ tịch Công ty TNHH MTV Vinawindow. - Chủ tịch Công ty TNHH Hoàng Nguyên Long. - Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Vương Điền.
2	Nguyễn Văn Đa	Phó Chủ tịch HĐQT	* Số cổ phần nắm giữ: 560.124 cổ phần * Tỷ lệ sở hữu: 1,12 %	Điều hành	Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng DIC
3	Trần Gia Phúc	Thành viên HĐQT	* Số cổ phần sở hữu: 323.378 cổ phần * Tỷ lệ sở hữu : 0,65 %	Điều hành	
4	Võ Việt Trung	Thành viên HĐQT	* Số cổ phần sở hữu: 5.250 cổ phần * Tỷ lệ sở hữu: 0,01 %	Độc lập (Miễn nhiệm ngày 22/05/2021)	- Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Việt Ngân. - Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Eloan. - Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Fvndit.
5	Trịnh Đình Cường	Thành viên HĐQT	* Số cổ phần sở hữu: 10.000 cổ phần * Tỷ lệ sở hữu: 0,02 %	Độc lập (Bổ nhiệm ngày 22/05/2021)	

6	Hoàng Thị Hà	Thành viên HĐQT	<ul style="list-style-type: none"> * Số cổ phần nắm giữ: 5.408.490 cổ phần, trong đó: + Số cổ phần sở hữu cá nhân: 25.250 cổ phần + Số cổ phần đại diện DIC Corp: 5.383.240 cổ phần * Tỷ lệ sở hữu : 10,82% 	Không điều hành	<ul style="list-style-type: none"> - TV HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng số 1. - Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng Phương Nam
---	---------------------	-----------------	---	-----------------	--

(Số cổ phần được chốt là ngày 18/03/2022)

- a) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị
- Hội đồng quản trị đã thành lập Ủy Ban kiểm toán gồm 02 nhân sự, trong đó thành viên HĐQT độc lập làm trưởng ban.
 - Phân công cho 01 thành viên HĐQT không điều hành phụ trách lương thưởng của công ty.
- b) Hoạt động của Hội đồng quản trị
- Trong năm HĐQT đã tổ chức các cuộc họp đề ban hành 23 nghị quyết và 01 quyết định với các nội dung như sau:

Stt	Số nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
01	38/NQ-HĐQT. DIC Cons	07/01/2021	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua công tác tái cấu trúc sắp xếp lại các Phòng/Ban và quyết định nhân sự Ban điều hành Công ty (<i>Bầu bổ sung Ông Nguyễn Văn Đa làm Phó Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 4 (2018-2023); Miễn nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc đối với ông Nguyễn Văn Đa để nhận nhiệm vụ mới và điều động bổ nhiệm Ông Trần Gia Phúc giữ chức vụ Tổng Giám đốc Công ty. Bổ nhiệm ông Nguyễn Văn Dương giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc Công ty.</i>) - Thông qua việc phân phối lợi nhuận của Công ty TNHH MTV Vinawindow; - Thông qua việc nghiên cứu lập dự án đầu tư thiết bị sản xuất các vật liệu mới phục vụ xây lắp gồm Cầu kiện bê tông đúc sẵn và Cọc bê tông; - Thống nhất việc xây dựng lại quy chế lương thưởng Công ty. 	100%

02	39/NQ-HĐQT. DICcons	09/02/2021	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua việc bổ nhiệm nhân sự với các chức danh Phó Tổng giám đốc (<i>Bổ nhiệm ông Nguyễn Văn Tuyển giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc kỹ thuật Công ty. Phân công nhiệm vụ cho ông Võ Trung Kiên thôi phụ trách kỹ thuật để nhận nhiệm vụ phụ trách phát triển thị trường.</i>) - Thống nhất cử đại diện vốn của Công ty Cổ phần Xây dựng DIC Holdings tại Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng DIC; - Thông qua đầu tư Khu đất tại xã Long Sơn – Tp.Vũng Tàu. 	100%
03	40/NQ-HĐQT. DIC Cons	26/02/2021	Chấm dứt hoạt động của Chi nhánh Công ty Cổ phần DIC số 4 – Nhà máy cửa nhựa cao cấp Vinawindow (Hoàn thành nghĩa vụ thuế).	100%
04	41/NQ-HĐQT. DIC Cons	24/03/2021	- Thống nhất thời gian tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021	100%
05	42/NQ-HĐQT	25/03/2021	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua thời gian và địa điểm tổ chức Đại hội đồng cổ đông năm 2021; - Thông qua danh mục nội dung dự kiến chương trình Đại hội cổ đông năm 2021; - Thống nhất thay đổi các chức danh trong Ban phát triển dự án và bổ nhiệm Trưởng phòng kỹ thuật; 	100%
06	43/NQ-HĐQT. DIC Cons	28/04/2021	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua thay đổi địa điểm tổ chức Đại hội đồng cổ đông năm 2021; - Thông qua nội dung chương trình họp và danh mục tài liệu họp ĐHCĐ thường niên năm 2021; - Thông qua miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị. 	100%
07	44/NQ-HĐQT. DIC Cons	26/05/2021	- Thông qua việc triển khai thực hiện phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2020;	100%
08	45/NQ-HĐQT. DICcons	29/06/2021	- Thông qua việc Miễn nhiệm chức vụ Phó Tổng giám đốc đầu tư - Công ty Cổ phần Xây dựng DIC Holdings đối với ông Nguyễn Văn Dương.	100%
09	46/NQ-HĐQT. DIC Cons	16/07/2021	Thông qua việc triển khai thực hiện phương án phát hành cổ phiếu chào bán riêng lẻ năm 2021	100%
10	47/NQ-HĐQT. DICcons	30/08/2021	Thông qua điều chỉnh và bổ sung một số thông tin phương án phát hành cổ phiếu chào bán riêng lẻ năm 2021.	100%

11	48/NQ-HĐQT. DICcons	22/09/2021	Thông qua việc triển khai thực hiện phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động năm 2021.	100%
12	49/NQ-HĐQT. DICcons	24/09/2021	Thông qua danh sách thành viên tham gia chương trình phát hành cổ phiếu ESOP năm 2021 và hồ sơ đăng ký phát hành cổ phiếu ESOP.	100%
13	50/NQ-HĐQT. DICcons	30/09/2021	- Thông qua Quy chế công bố thông tin của Công ty.	100%
14	51/QĐ.HĐQT- DICcons	01/10/2021	Thông qua ký kết hợp đồng thi công xây dựng, cung cấp và lắp đặt công trình Văn phòng DIC Corp với Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng.	100%
15	52NQ-HĐQT. DICcons	04/10/2021	- Thông qua việc thế chấp tài sản tại Ngân hàng BIDV để vay vốn phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh; - Thống nhất ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT giao dịch và ký kết Hợp đồng tín dụng với ngân hàng.	100%
16	53/NQ-HĐQT. DICcons	05/10/2021	- Thông qua việc thế chấp tài sản tại Ngân hàng PG Bank để vay vốn phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh; - Thống nhất ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT giao dịch và ký kết Hợp đồng tín dụng với ngân hàng.	100%
17	54/NQ-HĐQT. DICcons	19/10/2021	- Thông qua việc thay đổi và sử dụng mẫu dấu mới của Công ty	100%
18	54A/NQ.HĐQT. DICcons	20/10/2021	- Thông qua kết quả sản xuất kinh doanh 6 tháng năm 2021. - Thông qua chủ trương thực hiện các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với người có liên quan của Công ty (công ty liên quan), người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ và ủy quyền cho ông Lê Đình Thắng - CT.HĐQT ký kết các giao dịch. - Thông qua điều chỉnh ngành nghề kinh doanh.	100%

19	55/NQ-HĐQT. DICcons	23/11/2021	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua Báo cáo tiến độ phát hành cổ phiếu năm 2021. - Thông qua chủ trương nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất lô đất 2.800 m² tại đường Hạ Long, P2, Tp.Vũng Tàu. - Thông qua chủ trương tìm hiểu đầu tư nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất khu đất quy hoạch chung cư để đầu tư xây dựng chung cư tại dự án Marine City. - Đề xuất góp vốn (M&A) vào Công ty Cổ phần xây dựng và kinh doanh địa ốc Lam Sơn – Chủ đầu tư dự án Khu đô thị mới đường 3 tháng 2, phường 5, Tp.Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang. - Thông qua chủ trương tham gia đầu tư dự án Khu đô thị mới (136 ha) tại thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang. - Thông qua chủ trương đầu tư mua si một số nền đất thương phẩm và khu đất quy hoạch chung cư tại dự án Khu nhà ở Phường Long Toàn, Tp.Bà Rịa của Công ty Cổ phần Phát triển và Kinh doanh nhà. - Thông qua chủ trương cho phép Ban điều hành tham gia đầu tư tài chính. - Thông qua miễn nhiệm chức danh Quyền Giám đốc Công ty TNHH MTV Vinawindow theo đơn xin nghỉ việc của ông Bùi Hồng Minh. 	100%
20	56/NQ-HĐQT. DICcons	23/11/2021	Thông qua danh sách CBCNV đăng ký, nộp tiền mua cổ phiếu ESOP đến hết ngày 20/11/2021 và phân phối số lượng cổ phiếu CBCNV không thực hiện quyền mua.	100%
21	57/NQ-HĐQT. DICcons	26/11/2021	Thông qua kết quả phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động.	100%
22	58/NQ-HĐQT. DICcons	21/12/2021	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua việc thế chấp tài sản ký quỹ tại Ngân hàng BIDV - CN BRVT để đảm bảo các khoản vay thanh toán cho hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và nhà ở hình thành trong tương lai dự án KDC Long Toàn - TP. Bà Rịa; - Thống nhất ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT giao dịch và ký kết Hợp đồng tín dụng với ngân hàng. 	100%
23	59/NQ-HĐQT. DICcons	25/12/2021	Thông qua kết quả phát hành cổ phiếu chào bán riêng lẻ năm 2021	100%
24	60/NQ-HĐQT. DICcons	27/12/2021	Thông qua việc đề nghị cấp hạn mức tín dụng ngắn hạn tại Ngân hàng BIDV - CN BRVT để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty TNHH MTV Vinawindow;	100%

- c) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành
- Ông Trịnh Đình Cường là thành viên HĐQT độc lập không điều hành kiêm vị trí chủ tịch Ủy Ban kiểm toán Công ty có trình độ cao về kế toán, có kinh nghiệm trong quản lý doanh nghiệp, luôn cố gắng nắm bắt nhanh các hoạt động của Công ty nên đã có những đóng góp cho hoạt động quản trị Công ty.
- d) Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị
- Trong năm 2021, Ủy Ban kiểm toán với 02 thành viên đã tổ chức 02 cuộc họp. Ban kiểm toán nội bộ luôn kiểm tra giám sát một cách cẩn trọng các hoạt động tài chính của Công ty, đánh giá mức độ rủi ro dựa trên các cơ chế quản lý ở mỗi lĩnh vực để góp ý cho hoạt động tài chính của Công ty luôn lành mạnh và an toàn.
 - Thành viên HĐQT không điều hành phụ trách lương thưởng của công ty luôn xem xét kỹ công tác lương thưởng cho người lao động.
 - Các tiểu ban được đánh giá là hoạt động hiệu quả, các thành viên trong các tiểu ban luôn chủ động và tích cực trong nhiệm vụ của mình theo sự phân công của HĐQT.
- e) Danh sách các thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty:
1. Ông Lê Đình Thắng – Chủ tịch HĐQT.
 2. Ông Nguyễn Văn Đa – Phó chủ tịch HĐQT
 3. Ông Trần Gia Phúc – Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc.
 4. Bà Hoàng Thị Hà – Thành viên HĐQT.
- 2. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc:**
- a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác của các thành viên HĐQT đương nhiệm, Ban Tổng giám đốc (từ 01/01/2021 ÷ 31/12/2021):

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao 6 tháng/2020 (vnd)	Thù lao Năm 2021 (vnd)	Lương + Thưởng (vnd)	Tổng cộng (đồng)
1	Lê Đình Thắng	Chủ tịch HĐQT		845.000.000	207.667.514	1.052.667.514
2	Nguyễn Văn Đa	Phó CT HĐQT		195.000.000	245.993.942	440.993.942
3	Trần Gia Phúc	TV HĐQT – Tổng Giám đốc	35.000.000	80.000.000	388.927.063	503.927.063
4	Võ Việt Trung	TV HĐQT	40.000.000	26.666.667		66.666.667
5	Hoàng Thị Hà	TV HĐQT	35.000.000	80.000.000		115.000.000

6	Trịnh Đình Cường	TV HĐQT		53.333.333		53.333.333
7	Nguyễn Tuyết Hoa	P.Tổng giám đốc			457.721.515	457.721.515
8	Nguyễn Văn Tuyền	P.Tổng giám đốc			417.842.131	417.842.131

- Các lợi ích khác: Thành viên HĐQT chuyên trách và Ban Tổng giám đốc được hưởng chế độ chăm sóc sức khỏe định kỳ, du lịch hàng năm của Công ty.

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ và người có liên quan năm 2021 (tại thời điểm chốt danh sách ngày 18/03/2022):

Stt	Người thực hiện giao dịch	Chức vụ / Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm cổ phiếu
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Lê Đình Thắng	CT HĐQT	3.375.865	10,55%	5.059.193	10,12%	Nhận cổ tức; Mua cổ phiếu
2	Nguyễn Văn Đa	Phó CT HĐQT	413.452	1,29%	634.124	1,27%	Nhận cổ tức; Mua cổ phiếu
3	Trần Gia Phúc	TV HĐQT – TGD	140.122	0,44%	323.378	0,65%	Nhận cổ tức; Mua cổ phiếu
4	Hoàng Thị Hà	TV HĐQT	5.000	0,02%	25.250	0,05%	Nhận cổ tức; Mua cổ phiếu
6	Võ Việt Trung	TV HĐQT	5.000	0,02%	5.250	0,01%	Nhận cổ tức
7	Trịnh Đình Cường	TV HĐQT	0	0%	10.000	0,2%	Mua cổ phiếu
8	Nguyễn Tuyết Hoa	Phó TGD; Người UQ CTTT	53.589	0,17%	99.668	0,2%	Nhận cổ tức; Mua cổ phiếu; Bán cổ phiếu
9	Võ Trung Kiên	Phó TGD	21.500	0,07%	22.575	0,05%	Nhận cổ tức
10	Nguyễn Văn Tuyền	Phó TGD	111.375	0,35%	110.110	0,22%	Nhận cổ tức; Mua cổ phiếu; Bán cổ phiếu
11	Nguyễn Văn Dương	Phó TGD	17.000	0,05%	17.850	0,04%	Nhận cổ tức

12	Nguyễn Thị Thanh Phương	Kế toán trưởng	68.152	0,21%	129.559	0,26%	Nhận cổ tức; Mua cổ phiếu
13	Bùi Đình Phong	Người phụ trách quản trị công ty	90.774	0,28%	99.312	0,20%	Nhận cổ tức; Mua cổ phiếu; Bán cổ phiếu
14	Đỗ Thị Thành	Mẹ vợ TGD	25.000	0,08%	0	0%	Nhận cổ tức; Bán cổ phiếu

Ghi chú:

- Tỷ lệ số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ được tính bằng số cổ phiếu đang sở hữu trên số lượng cổ phiếu đang lưu hành tại ngày 01/01/2021 (31.999.758 cổ phiếu).
 - Tỷ lệ số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ được tính bằng số cổ phiếu đang sở hữu trên số lượng cổ phiếu đang lưu hành tại ngày 18/03/2022 (50.000.000 cổ phiếu).
- c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:
Không có.
- d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:
- Công ty hiện áp dụng Quy chế quản trị Công ty theo các quy định mới nhất của pháp luật hiện hành.
 - Quá trình hoạt động trong năm của Công ty luôn đảm bảo thực hiện theo đúng quy chế quản trị đã được Đại hội cổ đông thông qua.
 - Người quản trị công ty luôn kiểm soát và yêu cầu thực hiện nghiêm túc các quy định về quản trị công ty của Ban lãnh đạo.

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng Dic Holdings

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Xây dựng Dic Holdings, được lập Ngày 17 tháng 03 năm 2021, từ trang 05 đến trang 40, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xây dựng Dic Holdings tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, đồng thời phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Nam Việt**

Phó Giám đốc

Kiểm toán viên

Nguyễn Ngọc Tuấn
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 2837-2019-152-1

Nguyễn Xuân Giang
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 2784-2019-152-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 03 năm 2021

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
A . TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		885.272.586.715	511.578.348.599
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	195.223.847.882	45.607.004.509
1. Tiền	111		187.223.847.882	30.607.004.509
2. Các khoản tương đương tiền	112		8.000.000.000	15.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		488.109	488.109
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2a	488.109	488.109
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		381.948.950.088	231.886.787.545
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3a	250.077.594.970	204.960.802.452
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4a	98.635.234.339	25.296.619.598
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135			
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	52.017.786.662	19.376.750.378
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(18.781.665.883)	(17.747.384.883)
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	306.804.047.982	233.813.349.552
1. Hàng tồn kho	141		306.992.463.311	233.972.324.769
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(188.415.329)	(158.975.217)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.295.252.654	270.718.884
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	204.548.531	249.226.334
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.090.704.123	21.492.550
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15b		
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		96.420.504.507	110.754.892.638
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		2.535.800.931	2.460.799.149
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	2.535.800.931	2.460.799.149
II. Tài sản cố định	220		30.917.713.563	36.675.985.059
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	30.848.824.853	35.619.195.934

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
- Nguyên giá	222		102.794.867.219	101.429.729.814
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(71.946.042.366)	(65.810.533.880)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	68.888.710	1.056.789.125
- Nguyên giá	228		450.172.500	3.335.536.602
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(381.283.790)	(2.278.747.477)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
III. Bất động sản đầu tư	230			
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		522.308.040	587.057.302
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	522.308.040	587.057.302
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250			1.000.000.000
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252			
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253			
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254			
4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2b		1.000.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		62.444.681.973	70.031.051.128
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	7.795.994.723	8.688.786.125
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.12	740.582.964	695.647.681
3. Lợi thế thương mại	269		53.908.104.286	60.646.617.322
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		981.693.091.222	622.333.241.237

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		379.731.794.632	252.843.051.747
I. Nợ ngắn hạn	310		367.888.036.887	244.921.302.746
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13a	62.674.630.709	70.802.167.595
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14a	37.806.274.451	24.809.000.097
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15a	4.871.307.504	14.821.081.480
4. Phải trả người lao động	314		5.627.806.797	2.286.853.922
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16a	30.088.644.942	4.184.384.044
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.17a	73.573.363.630	83.547.176.067
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18a	1.916.073.292	1.816.945.263
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19	148.124.734.727	40.405.189.997
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.205.200.835	2.248.504.281
II. Nợ dài hạn	330		11.843.757.745	7.921.749.001
1. Chi phí phải trả dài hạn	333	V.16b	3.768.283.054	3.768.283.054
2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.17b	4.743.109.761	
3. Phải trả dài hạn khác	337	V.18b	796.600.000	796.600.000
4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341			1.347.702.607
5. Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.20	2.535.764.930	2.009.163.340
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		601.961.296.590	369.490.189.490
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.21	601.961.296.590	369.490.189.490
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		500.000.000.000	319.997.580.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		500.000.000.000	319.997.580.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		31.099.763.897	1.714.413.787
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		13.951.311.884	13.484.244.167
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		54.810.818.399	32.729.830.298
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		12.896.125.425	1.928.120.762
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		41.914.692.974	30.801.709.536
5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		2.099.402.410	1.564.121.238
II. Nguồn kinh phí	430			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		981.693.091.222	622.333.241.237

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Năm 2021

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	614.226.154.267	466.063.127.561
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		614.226.154.267	466.063.127.561
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	513.989.683.955	390.201.629.258
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		100.236.470.312	75.861.498.303
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.194.442.049	903.938.291
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	3.428.842.535	4.739.477.830
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		3.428.842.535	4.739.477.830
8. Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết	24			
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5a	6.831.853.779	5.366.786.403
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5b	34.096.543.571	28.716.245.219
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		57.073.672.476	37.942.927.142
12. Thu nhập khác	31	VI.6	460.210.360	767.728.486
13. Chi phí khác	32	VI.7	2.100.133.763	944.283.113
14. Lợi nhuận khác	40		(1.639.923.403)	(176.554.627)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		55.433.749.073	37.766.372.515
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.8	13.012.345.592	4.307.906.788
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(44.935.283)	1.241.036.040
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		42.466.338.764	32.217.429.687
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		41.914.692.974	31.576.189.478
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		551.645.790	641.240.209
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	1.246	857

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2021

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	55.433.749.073	37.766.372.515
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	14.690.760.221	15.409.603.241
- Các khoản dự phòng	03	1.590.322.702	(1.151.176.431)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(856.766.107)	(1.835.582.247)
- Chi phí lãi vay	06	3.428.842.535	4.739.477.830
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	74.286.908.424	54.928.694.908
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(151.979.132.036)	(46.363.873.760)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(73.020.138.542)	74.627.379.204
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	19.255.702.345	(27.484.542.777)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	937.469.205	2.058.466.904
- Tiền lãi vay đã trả	14	(3.201.483.718)	(4.739.477.830)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(14.508.600.516)	(7.226.105.805)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	200.000.000	
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(2.629.235.220)	(3.372.820.163)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(150.658.510.058)	42.427.720.681
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(2.792.399.904)	(2.666.474.351)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	90.909.091	154.545.454
3. Tiền thu cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	1.000.000.000	10.000.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	887.981.904	1.205.960.572
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(813.508.909)	8.694.031.675
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu phát hành CP, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	193.390.700.110	
2. Tiền thu từ đi vay	33	263.442.656.261	244.598.086.757
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(155.723.111.531)	(275.163.104.923)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(21.382.500)	(5.987.585.400)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	301.088.862.340	(36.552.603.566)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	149.616.843.373	14.569.148.790
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	45.607.004.509	31.037.855.719
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	195.223.847.882	45.607.004.509

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2021

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xây dựng Dic Holdings (trước đây là Công ty Cổ phần Dic số 4) là Công ty Cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 1980/2004/QĐ/BXD ngày 09 tháng 12 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp Công ty cổ phần số 3500686978 (Số cũ 4903000146) đăng ký lần đầu ngày 28 tháng 01 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ 22 ngày 06 tháng 01 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất và xây lắp, Kinh doanh Bất động sản.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là Xây dựng công trình, Kinh doanh Bất động sản; Sản xuất cửa nhựa, cửa gỗ cao cấp.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

Trong năm, Công ty không có thay đổi bất thường gì về đặc điểm hoạt động kinh doanh.

6. Cấu trúc doanh nghiệp

a) Các Công ty con được hợp nhất:

Tên Công ty	Ngành hoạt động	Vốn điều lệ VND	Tỷ lệ sở hữu
Công ty CP Vật liệu Xây dựng DIC	Khai thác đá, đất sét...	88.000.000.000	96,59%
Công ty TNHH MTV Vinawindow	Sản xuất cửa nhựa, cửa gỗ cao cấp	10.000.000.000	100%

b) Các đơn vị trực thuộc

Tên	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty CP Xây dựng Dic Holdings – Xí nghiệp Vật tư và Thương mại DIC	Tòa nhà Ruby Tower - Số 12 đường 3 tháng 2, P.8, thành phố Vũng Tàu.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp do Bộ tài chính ban hành ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành ngày 21/03/2016 và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất do Bộ tài chính ban hành ngày 22/12/2014.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở hợp nhất

Các công ty con

Các công ty con là các đơn vị do Công ty mẹ kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của một đơn vị để thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Các báo cáo tài chính của các công ty con được hợp nhất trong các báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc kiểm soát.

Các báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần chi phí và thu nhập của Tổng Công ty trong các đơn vị nhận đầu tư hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi các đơn vị này đã thực hiện những điều chỉnh các chính sách kế toán của mình cho phù hợp với các chính sách kế toán của Tổng Công ty, kể từ ngày bắt đầu có ảnh hưởng đáng kể hoặc đồng kiểm soát đến ngày kết thúc ảnh hưởng đáng kể hoặc đồng kiểm soát. Nếu phần lỗ của công ty vượt quá khoản đầu tư của công ty trong đơn vị nhận đầu tư hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư đó (bao gồm toàn bộ các khoản đầu tư dài hạn) được ghi giảm xuống bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ, trừ khi công ty có một nghĩa vụ phải thực hiện hay đã thực hiện các khoản thanh toán thay cho các đơn vị nhận đầu tư.

Các giao dịch bị loại trừ khi hợp nhất

Các số dư nội bộ và toàn bộ thu nhập và chi phí chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại ra khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ khỏi khoản đầu tư liên quan đến lợi ích của tập đoàn trong các đơn vị nhận đầu tư. Lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại ra trừ khi giá vốn không thể được thu hồi.

2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính: Là tỷ giá công bố của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch theo nguyên tắc:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có

giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và tương đương tiền bao gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

4. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay được ghi sổ kế toán theo giá gốc, tại thời điểm báo cáo, nếu :

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là " tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Khoản đầu tư vào công ty con được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm lập Báo cáo tài chính là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

5. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên các báo cáo tài chính theo giá trị sổ sách các khoản phải thu từ khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả kinh doanh.

6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho cuối năm được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

7. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	06 - 10 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
- Các tài sản khác	05 năm

8. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

9. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

10. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay được kế toán chi tiết và theo dõi từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng khế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ, kế toán phải theo dõi chi tiết nguyên tệ và thực hiện theo nguyên tắc:

- Các khoản vay, nợ bằng ngoại tệ phải quy đổi ra đơn vị tiền tệ kế toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh;
- Khi trả nợ, vay bằng ngoại tệ, được quy đổi theo tỷ giá ghi sổ kế toán thực tế đích danh cho từng đối tượng.

Các khoản vay có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính được trình bày là vay dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính được trình bày là vay ngắn hạn.

11. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

12. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

13. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối Kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.

Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng nghiệm thu, xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì: Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

Doanh thu bán bất động sản của doanh nghiệp là chủ đầu tư phải thực hiện theo nguyên tắc

Việc ghi nhận doanh thu bán bất động sản phải đảm bảo thỏa mãn đồng thời 5 điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, doanh nghiệp đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

15. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

17. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời, còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

19. Báo cáo bộ phận

Báo cáo theo bộ phận bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hoặc một bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

20. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và các khoản vay.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

22. Sử dụng các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Hội đồng Quản trị phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Hội đồng Quản trị, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong báo cáo tài chính bao gồm:

- Thời gian sử dụng hữu ích của tài sản cố định.
- Chi phí phải trả.
- Các khoản dự phòng.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc đánh giá là hợp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>31/12/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
Tiền mặt	531.984.354	978.008.828
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	186.691.863.528	29.628.995.681
Các khoản tương đương tiền	8.000.000.000	15.000.000.000
Cộng	<u>195.223.847.882</u>	<u>45.607.004.509</u>

2. Các khoản đầu tư tài chính

	<u>31/12/2021</u>			<u>01/01/2021</u>		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
a) Chứng khoán kinh doanh						
Tổng Công ty CP Đầu tư Phát triển Xây dựng (mã CK: DIG) - 5 cổ phiếu	188.599	188.599	-	188.599	188.599	-
Công ty CP Vạn Phát Hưng (mã CK: VPH) - 7 cổ phiếu	299.510	299.510	-	299.510	299.510	-
Cộng	<u>488.109</u>	<u>488.109</u>	<u>-</u>	<u>488.109</u>	<u>488.109</u>	<u>-</u>

b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn

	<u>31/12/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
Trái phiếu		
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam		1.000.000.000
Cộng		<u>1.000.000.000</u>

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>31/12/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn	250.077.594.970	204.960.802.452
- Tổng Công ty CP Đầu tư Phát triển Xây dựng	19.990.277.503	71.878.401.000

- Công ty CP Phát triển và Kinh doanh nhà	16.253.285.911	16.253.285.911
- Công ty CP Thương mại Du lịch Tân Thành	81.689.525.550	18.004.169.457
- Công ty CP Đầu tư Xây dựng Du Lịch Hồng Phúc	21.712.621.427	10.993.967.400
- Ban quản lý Dự án chuyên ngành dân dụng và công nghiệp	5.159.814.928	12.334.404.241
- Công ty TNHH Hóa dầu Long Sơn	34.619.869.587	
- Các khách hàng khác	70.652.200.064	75.496.574.443

b) Phải thu của khách hàng dài hạn

Cộng

250.077.594.970

204.960.802.452

c) Phải thu khách hàng là các bên liên quan

Xem thuyết minh Báo cáo tài chính phần VII.3

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

31/12/2021

01/01/2021

a) Trả trước cho người bán ngắn hạn

98.635.234.339

25.296.619.598

- Công ty CP Thương mại Du lịch Tân Thành	3.550.000.000	3.550.000.000
- Công ty CP Cơ khí Xây dựng TM Đại Dũng		15.075.411.192
- Đào Văn Vui	46.000.000.000	
- Công ty TNHH Xây dựng Nam Hải	30.000.000.000	
- Các nhà cung cấp khác	19.085.234.339	6.671.208.406

b) Trả trước cho người bán dài hạn

Cộng

98.635.234.339

25.296.619.598

c) Trả trước cho người bán là các bên liên quan

Xem thuyết minh Báo cáo tài chính phần VII.3

5. Dự phòng phải thu khó đòi

	31/12/2021			01/01/2021		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
a) Phải thu khách hàng ngắn hạn	10.664.843.322	3.189.561.891	(7.475.281.431)	7.037.880.528	45.257.214	(6.992.623.314)
- Công ty CP Xây lắp Dầu khí 2	764.899.238		(764.899.238)	764.899.238		(764.899.238)
- Công ty CP ĐT XD Phú Thịnh	789.944.998		(789.944.998)	789.944.998		(789.944.998)
- Công ty Cổ phần UNA	1.258.914.113		(1.258.914.113)	1.258.914.113		(1.258.914.113)
- Các khách hàng khác	7.851.084.973	3.189.561.891	(4.661.523.082)	4.224.122.179	45.257.214	(4.178.864.965)
b) Trả trước cho người	1.494.927.749		(1.494.927.749)	1.098.838.600		(1.098.838.600)

bán ngắn hạn					
- Công ty CP Thép Công nghệ cao Mỹ Áo	648.000.000		(648.000.000)	648.000.000	(648.000.000)
- Các khách hàng khác	846.927.749		(846.927.749)	450.838.600	(450.838.600)
c) Phải thu ngắn hạn khác	10.547.103.714	735.647.011	(9.811.456.703)	9.655.922.969	(9.655.922.969)
c1) Tạm ứng				117.747.366	(117.747.366)
c2) Phải thu khác	10.547.103.714	735.647.011	(9.811.456.703)	9.538.175.603	(9.538.175.603)
- Bà Dương Thị Thục	9.374.212.500		(9.374.212.500)	9.374.212.500	(9.374.212.500)
- Các khoản khác	1.172.891.214	735.647.011	(437.244.203)	163.963.103	(163.963.103)
Cộng	22.706.874.785	3.925.208.902	(18.781.665.883)	17.792.642.097	45.257.214 (17.747.384.883)

6. Phải thu khác

	<u>31/12/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
a) Ngắn hạn	52.017.786.662	19.376.750.378
Tạm ứng	16.383.348.974	735.395.917
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	21.238.222.000	1.183.877.000
Phải thu ngắn hạn khác	14.396.215.688	17.457.477.461
b) Dài hạn	2.535.800.931	2.460.799.149
Ký quỹ ký cược dài hạn	2.535.800.931	2.460.799.149
Cộng	54.553.587.593	21.837.549.527

7. Hàng tồn kho

	<u>31/12/2021</u>		<u>01/01/2021</u>	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	10.227.953.604		12.619.706.753	
Công cụ, dụng cụ			15.643.918	
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	219.631.241.703		204.894.626.050	
Thành phẩm	2.281.606.188	(188.415.329)	3.382.009.406	(158.975.217)
Hàng hoá bất động sản	74.773.142.224		13.060.338.642	
Cộng	306.992.463.311	(188.415.329)	233.972.324.769	(158.975.217)

8. Chi phí trả trước

<u>31/12/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
-------------------	-------------------

a) Ngắn hạn	204.548.531	249.226.334
Chi phí mua bảo hiểm	86.243.394	52.365.658
Hoa hồng môi giới		55.555.556
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	118.305.137	141.305.120
b) Dài hạn	7.795.994.723	8.688.786.125
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	3.408.501.981	4.322.978.601
Chi phí sửa chữa thường xuyên	367.634.634	686.430.649
Chi phí trả trước dài hạn khác	4.019.858.108	3.679.376.875
Cộng	8.000.543.254	8.938.012.459

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	15.487.832.421	39.699.365.165	9.930.827.889	749.098.848	35.562.605.491	101.429.729.814
Mua trong năm		130.000.000	1.146.818.182	146.090.000		1.422.908.182
Đầu tư XDCB hoàn thành	1.367.290.455					1.367.290.455
Thanh lý, nhượng bán	(1.140.651.955)	(284.409.277)				(1.425.061.232)
Số dư cuối năm	15.714.470.921	39.544.955.888	11.077.646.071	895.188.848	35.562.605.491	102.794.867.219
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	9.521.029.769	26.270.175.630	6.146.457.751	268.340.381	23.604.530.349	65.810.533.880
Khấu hao trong năm	690.433.961	2.173.468.491	547.602.190	138.795.274	3.414.046.854	6.964.346.770
Thanh lý, nhượng bán	(544.429.007)	(284.409.277)				(828.838.284)
Số dư cuối năm	9.667.034.723	28.159.234.844	6.694.059.941	407.135.655	27.018.577.203	71.946.042.366
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	5.966.802.652	13.429.189.535	3.784.370.138	480.758.467	11.958.075.142	35.619.195.934
Tại ngày cuối năm	6.047.436.198	11.385.721.044	4.383.586.130	488.053.193	8.544.028.288	30.848.824.853

	31/12/2021	01/01/2021
Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay	8.493.349.772	11.459.343.013
Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	36.832.024.125	29.220.460.057

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Quyền khai thác mỏ đá	Cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	450.172.500	2.885.364.102	3.335.536.602

Mua trong năm			
Số giảm trong năm		(2.885.364.102)	(2.885.364.102)
Số dư cuối năm	450.172.500		450.172.500

Giá trị hao mòn lũy kế

Số dư đầu năm	353.148.006	1.925.599.471	2.278.747.477
Khấu hao trong năm	28.135.784	959.764.631	987.900.415
Số giảm trong năm		(2.885.364.102)	(2.885.364.102)
Số dư cuối năm	381.283.790		381.283.790

Giá trị còn lại

Tại ngày đầu năm	97.024.494	959.764.631	1.056.789.125
Tại ngày cuối năm	68.888.710		68.888.710

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>31/12/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
Mỏ đá Châu Pha	16.000.000	175.330.029
Chi phí hạ cote 30 Mỏ đá Châu Pha	453.181.818	411.727.273
Mái nhà kho Vinawindow	53.126.222	-
Cộng	522.308.040	587.057.302

12. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	<u>31/12/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	740.582.964	695.647.681
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	740.582.964	695.647.681

13. Phải trả người bán

4. Phải trả người bán	<u>31/12/2021</u>		<u>01/01/2021</u>	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Ngắn hạn	62.674.630.709	62.674.630.709	70.802.167.595	70.802.167.595
- Công ty CP Phát triển và Kinh doanh Nhà			7.072.297.399	7.072.297.399
- Công ty Kim Hưng Phát	2.970.966.899	2.970.966.899	9.338.072.873	9.338.072.873
- Công ty CP Cơ khí Xây dựng TM Đại Dũng	18.497.716.886	18.497.716.886		
- Các nhà cung	41.205.946.924	41.205.946.924	54.391.797.323	54.391.797.323

4. Phải trả người bán	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
cấp khác				
b) Dài hạn				
Cộng	62.674.630.709	62.674.630.709	70.802.167.595	70.802.167.595

- c) **Phải trả người bán là các bên liên quan**
 Xem thuyết minh Báo cáo tài chính phần VII.3

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2021	01/01/2021
a) Người mua trả tiền trước ngắn hạn	37.806.274.451	24.809.000.097
- Ban QLDA Đầu tư Xây dựng 1, TP. Vũng Tàu	3.923.268.184	5.682.365.112
- Công ty TNHH Hóa dầu Long Sơn		17.172.857.194
- Công ty Quản lý tài sản Viettel - Chi nhánh Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội	14.772.150.670	
- Công ty TNHH Raemian	16.980.868.410	
- Các khách hàng khác	2.129.987.187	1.953.777.791
b) Người mua trả tiền trước dài hạn		
Cộng	37.806.274.451	24.809.000.097

- c) **Phải thu khách hàng là các bên liên quan**
 Xem thuyết minh Báo cáo tài chính phần VII.3

15. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	01/01/2021	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2021
a) Phải nộp	14.821.081.480	35.421.898.960	45.371.672.936	4.871.307.504
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp ở chi nhánh	11.578.590.436	11.663.536.346	22.227.334.577	1.014.792.205
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.860.133.523	14.360.048.199	14.508.600.516	2.711.581.206
- Thuế thu nhập cá nhân	135.868.127	713.078.549	801.920.205	47.026.471
- Thuế tài nguyên	66.454.840	4.306.931.606	3.582.616.065	790.770.381
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất	1.780.081	1.414.733.398	1.414.733.398	1.780.081
- Các loại thuế khác	178.254.473	1.825.715.227	1.698.612.540	305.357.160
- Các khoản phí, lệ phí		829.640.000	829.640.000	

	01/01/2021	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2021
và các khoản phải nộp khác				
b) Phải thu				
16. Chi phí phải trả				
				31/12/2021
				01/01/2021
a) Chi phí phải trả ngắn hạn				30.088.644.942
Công trình Chung cư Đông Thuận 1 và 2				293.431.615
Khách sạn Kiều Anh				1.224.404.921
Công trình Long Sơn -LSP				28.606.184.214
Chi phí lắp đặt phòng mổ Bệnh viện Vũng Tàu				1.133.884.323
Công trình Resort Lăng Cô Huế				1.207.907.500
Chi phí phải trả ngắn hạn khác				945.170.296
				243.858.817
				64.065.898
b) Chi phí phải trả dài hạn				3.768.283.054
Chi phí chuyển đổi mục đích đất (khu Gò cát)				3.768.283.054
Cộng				33.856.927.996
				7.952.667.098
17. Doanh thu chưa thực hiện				
				31/12/2021
				01/01/2021
a) Ngắn hạn				73.573.363.630
- Chung cư Ruby Tower				69.315.186.646
- Công trình Resort Lăng Cô Huế				4.238.176.984
- Doanh thu chưa thực hiện khác				20.000.000
b) Dài hạn				4.743.109.761
- Dự án Vienna Town				4.743.109.761
Cộng				78.316.473.391
				83.547.176.067
18. Phải trả khác				
				31/12/2021
				01/01/2021
a) Ngắn hạn				1.916.073.292
- Kinh phí công đoàn				346.183.480
- Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp				119.570.426
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn				210.000.000
- Cổ tức phải trả cho các cổ đông				15.885.900
- Phải trả ngắn hạn khác				1.224.433.486
				330.528.470
				210.000.000
				37.268.400
				1.239.148.393

b) Dài hạn	796.600.000	796.600.000
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	796.600.000	796.600.000
Công ty TNHH Hóa dầu Long sơn	380.000.000	380.000.000
Công ty CP TM DV Nhất Trần	186.000.000	186.000.000
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ FWD Việt Nam	165.600.000	165.600.000
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn khác	65.000.000	65.000.000
Cộng	2.712.673.292	2.613.545.263

19. Vay và nợ thuê tài chính

	01/01/2021	Trong năm		31/12/2021
		Tăng	Giảm	
a) Vay ngắn hạn	40.405.189.997	263.442.656.261	155.723.111.531	148.124.734.727
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam ⁽¹⁾	37.262.847.793	259.742.656.261	151.380.769.327	145.624.734.727
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	3.142.342.204	1.200.000.000	4.342.342.204	
- Hà Diễm Phượng ⁽²⁾		1.500.000.000		1.500.000.000
- Nguyễn Quang Tuyển ⁽²⁾		1.000.000.000		1.000.000.000
b) Vay dài hạn				
Cộng	40.405.189.997	263.442.656.261	155.723.111.531	148.124.734.727

(1) Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam

Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2021/601139/HĐTD ngày 05/10/2021. Hạn mức tín dụng là 320 tỷ đồng, trong đó hạn mức cho vay ngắn hạn: 265 tỷ đồng, Hạn mức thấu chi: 5 tỷ đồng, Hạn mức bảo lãnh: 50 tỷ đồng. Lãi suất vay 7,5%/năm. Thời hạn cấp hạn mức: từ ngày 05/10/2021 đến hết ngày 21/09/2022, Thời hạn vay: theo từng khế ước nhận nợ. Vay để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C. Số dư nợ vay tại 31/12/2021 là 144.460.830.894 đồng.

Hợp đồng trên được đảm bảo theo Biên bản định giá lại tài sản thế chấp số 01/2020/601139/BBĐGL tháng 11/2020, tổng giá trị tài sản đảm bảo 24,02 tỷ đồng và Hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ/các khoản phải thu số 01/2020/601139 ngày 21/09/2020 với tổng giá trị tài sản thế chấp là 485,8 tỷ đồng.

Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2020/13820718/HĐTD ngày 02/12/2020 và Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2021/13820718/HĐTD ngày 24/12/2021. Lãi suất: 6,8 %/năm. Thời hạn vay: 6 tháng kể từ ngày nhận nợ. Vay để bổ sung vốn lưu động. Số dư nợ vay tại 31/12/2021 là 1.163.903.833 đồng.

Hợp đồng trên được đảm bảo theo bằng quyền sử dụng đất của Công ty CP Xây dựng Dic Holdings tại ấp Ông Trịnh, xã Tân Phước, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Giá trị tài sản đảm bảo: 4.477.000.000 đồng.

(2) Vay cá nhân:

Hợp đồng vay tín chấp bà Hà Diễm Phượng ngày 31/12/2021. Số tiền vay: 1,5 tỷ đồng. Lãi suất: 7,6% /năm. Thời hạn vay: 12 tháng từ 31/12/2021 đến 31/12/2022. Vay để bổ sung vốn lưu động. Số dư nợ vay tại 31/12/2021 là 1,5 tỷ đồng.

Hợp đồng vay tín chấp ông Nguyễn Quang Tuyến ngày 27/12/2021. Số tiền vay: 1 tỷ đồng. Lãi suất: 7,6% /năm. Thời hạn vay: 12 tháng từ 27/12/2021 đến 27/12/2022. Vay để bổ sung vốn lưu động. Số dư nợ vay tại 31/12/2021 là 1 tỷ đồng.

20. Dự phòng phải trả dài hạn

	31/12/2021	01/01/2021
Chi phí ký quỹ phục hồi môi trường mỏ đá	1.824.124.121	1.372.524.313
Chi phí ký quỹ phục hồi môi trường mỏ sét	711.640.809	636.639.027
Cộng	2.535.764.930	2.009.163.340

21. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	LN sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đồng thiểu số	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	290.000.000.000	6.805.913.787	12.437.220.578	27.559.657.948	940.415.363	337.743.207.676
Tăng vốn năm 2020	15.000.000.000	(5.000.000.000)				10.000.000.000
Lãi trong năm 2020				31.576.189.478		31.576.189.478
Trích lập các quỹ			1.047.023.589	(5.408.437.128)		(4.361.413.539)
Chia cổ tức	14.997.580.000			(20.997.580.000)		(6.000.000.000)
Tăng trong năm 2020					641.240.209	641.240.209
Biến động khác		(91.500.000)			(17.534.334)	(109.034.334)
Số dư cuối năm trước	319.997.580.000	1.714.413.787	13.484.244.167	32.729.830.298	1.564.121.238	369.490.189.490
Số dư đầu năm nay	319.997.580.000	1.714.413.787	13.484.244.167	32.729.830.298	1.564.121.238	369.490.189.490
Tăng vốn năm 2021	164.005.350.000	29.501.070.000				193.506.420.000
Lãi trong Năm 2021				41.914.692.974		41.914.692.974
Trích lập các quỹ			467.067.717	(3.852.999.491)		(3.385.931.774)
Chia cổ tức	15.997.070.000			(15.997.070.000)		
Tăng trong Năm 2021					551.645.790	551.645.790
Biến động khác		(115.719.890)		16.364.618	(16.364.618)	(115.719.890)
Số dư cuối năm nay	500.000.000.000	31.099.763.897	13.951.311.884	54.810.818.399	2.099.402.410	601.961.296.590

Trong năm 2021, Công ty phân phối lợi nhuận năm 2020 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQ-ĐHCĐ.2021 ngày 30/05/2021.

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<u>31/12/2021</u>	%	<u>01/01/2021</u>	%
Tổng Công ty CP Đầu tư Phát triển Xây dựng	179.441.340.000	35,89	128.039.380.000	40,01
Công ty TNHH Backathome.com	73.600.000	0,01	15.015.000.000	4,69
Công ty CP Phát triển và Kinh doanh nhà (HDTC)	148.200.000.000	29,64	84.000.000.000	26,25
Công ty CP Phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc	7.781.490.000	1,56		
Lê Đình Thắng	50.591.930.000	10,12	33.758.650.000	10,55
Các cổ đông khác	113.911.640.000	22,78	59.184.550.000	18,50
Cộng	<u>500.000.000.000</u>	100	<u>319.997.580.000</u>	100

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	319.997.580.000	290.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	180.002.420.000	29.997.580.000
Vốn góp giảm trong năm		
Vốn góp cuối năm	500.000.000.000	319.997.580.000

d) Cổ phiếu

	<u>31/12/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
	<u>Cổ phiếu</u>	<u>Cổ phiếu</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	50.000.000	31.999.758
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	50.000.000	31.999.758
- Cổ phiếu phổ thông	50.000.000	31.999.758
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	50.000.000	31.999.758
- Cổ phiếu phổ thông	50.000.000	31.999.758

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/CP.

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng (mười nghìn đồng)

22. Các khoản mục ngoài bản cân đối kế toán hợp nhất

	<u>31/12/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
Nợ khó đòi đã xử lý	5.674.664.085	5.674.664.085
Vũ Minh Nguyệt	124.429.058	124.429.058
Công ty Andes	114.991.409	114.991.409
Nguyễn Hữu Tiệp	1.159.822.487	1.159.822.487
Đặng Văn Hoà	96.000.000	96.000.000
Nguyễn Công Dũng	16.149.602	16.149.602
Trần Thị Duyên	40.784.000	40.784.000

	<u>31/12/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
Công ty TNHH TM DV Thanh Châu	2.441.799.074	2.441.799.074
Công ty CP Xi măng Fi Co Tây Ninh	1.680.688.455	1.680.688.455

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

a) Doanh thu	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng	66.236.152.650	86.835.526.555
Doanh thu cung cấp dịch vụ	5.202.204.869	5.500.583.122
Doanh thu hợp đồng xây dựng	513.276.305.263	250.333.090.771
Doanh thu kinh doanh bất động sản	5.677.633.202	79.597.074.789
Doanh thu cửa nhựa	23.833.858.283	43.796.852.324
Cộng	<u>614.226.154.267</u>	<u>466.063.127.561</u>
b) Doanh thu đối với các bên liên quan		
Tổng Công ty CP Đầu tư Phát triển Xây dựng	24.923.147.810	52.150.144.544
Công ty CP Phát triển và Kinh Doanh Nhà		4.333.193.067
Công ty CP Đầu tư Phát triển Xây dựng Bê tông	11.584.018.988	4.370.568.131
Cộng	<u>36.507.166.798</u>	<u>60.853.905.742</u>

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hoá đã bán	33.912.794.124	57.316.679.027
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.981.711.897	770.836.393
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	452.962.380.906	228.036.126.521
Giá vốn Bất động sản đầu tư	5.359.451.384	75.260.711.152
Giá vốn của cửa nhựa	19.743.905.532	28.852.382.570
Cộng	<u>513.989.683.955</u>	<u>390.201.629.258</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.194.442.049	903.938.291
Cộng	<u>1.194.442.049</u>	<u>903.938.291</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
--	----------------	------------------

Chi phí lãi vay	3.428.842.535	4.739.477.830
Cộng	3.428.842.535	4.739.477.830
5. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp		
	Năm nay	Năm trước
a) Các khoản chi phí bán hàng	6.831.853.779	5.366.786.403
Chi phí cho nhân viên bán hàng	725.975.272	573.791.630
Chi phí bảo hành	2.458.696.910	310.209.777
Chi phí hoa hồng môi giới		688.902.262
Chi phí vận chuyển	3.530.218.545	2.654.201.827
Chi phí bán hàng khác	116.963.052	1.139.680.907
b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp	34.096.543.571	28.716.245.219
Chi phí nhân viên quản lý	16.861.574.828	13.385.558.010
Các khoản chi phí quản lý khác	9.462.174.707	10.305.143.803
Dự phòng/(Hoàn nhập dự phòng) phải thu khó đòi	1.034.281.000	(1.712.969.630)
Lợi thế thương mại	6.738.513.036	6.738.513.036
6. Thu nhập khác		
	Năm nay	Năm trước
Thu từ thanh lý tài sản		154.545.454
Phí thay đổi thông tin	41.818.182	48.909.091
Thu hồi tiền đặt cọc môi giới, mua căn hộ		459.492.700
Hoàn nhập chi phí trích trước	93.291.370	
Các khoản khác	325.100.808	104.781.241
Cộng	460.210.360	767.728.486
7. Chi phí khác		
	Năm nay	Năm trước
Chi phí bán, thanh lý TSCĐ	337.675.942	
Các khoản bị phạt	411.788.301	638.586.856
Thuế GTGT bị truy thu	258.783.134	49.044.059
Chi phí các năm trước	1.076.031.110	201.797.700
Chi phí khác	15.855.276	54.854.498
Cộng	2.100.133.763	944.283.113
8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm nay được xác định với thuế suất là 20% trên thu nhập chịu thuế.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của doanh nghiệp được trình bày dưới đây:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	12.856.262.422	4.085.234.241
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành các năm trước	156.083.170	222.672.547
Chi phí thuế TNDN năm hiện hành	<u>13.012.345.592</u>	<u>4.307.906.788</u>

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	41.914.692.974	31.576.189.478
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho CĐ sở hữu CP phổ thông		(3.385.931.774)
+ Các khoản điều chỉnh tăng		
+ Các khoản điều chỉnh giảm		(3.385.931.774)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	41.914.692.974	28.190.257.704
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	33.635.629	32.885.766
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS)	<u>1.246</u>	<u>857</u>

EPS năm trước được điều chỉnh hồi tố do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số 01/NQ-ĐHCĐ.2021 ngày 30/05/2021 và chia cổ tức bằng cổ phiếu.

EPS năm nay chưa bao gồm số sẽ trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm nay do Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số 01/NQ-ĐHCĐ.2021 ngày 30/05/2021 chưa có kế hoạch phân phối quỹ năm 2021.

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	423.485.409.065	178.566.825.111
Chi phí nhân công	60.944.903.048	72.370.654.375
Chi phí khấu hao tài sản cố định	14.690.760.221	15.409.603.241
Chi phí dịch vụ mua ngoài	46.788.993.274	49.928.732.121
Chi phí khác bằng tiền	15.638.151.832	15.377.254.758
Cộng	<u>561.548.217.440</u>	<u>331.653.069.606</u>

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Sự kiện Pháp lý

Đối với nợ phải thu bà Dương Thị Thục. Theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 07/HTKD ngày 20/02/2008 giữa công ty với Bà Dương Thị Thục, hai bên tham gia góp vốn để thực hiện dự án Long Điền (Khu dự án nhà ở Quốc lộ 55 huyện Long Điền) tỷ lệ góp vốn: 50%:50%; Tổng mức đầu tư của dự án là: 93.868.000.000 đồng. Công ty Cổ phần Xây dựng Dic Holdings đã góp vốn 9.374.212.500 đồng. Theo Biên bản họp HĐQT số 157/BB-DIC 4 ngày 21/02/2012 công ty quyết định chấm dứt thực hiện dự án và làm hồ sơ khởi kiện bà Thục tại tòa dân sự để thu hồi vốn. Theo Quyết định số 21/2013/QĐST-DSST ngày 01/04/2013 của tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu: Bà Dương Thị Thục có trách nhiệm thanh toán cho Công ty Cổ phần Xây dựng Dic Holdings toàn bộ số nợ trên và khoản lãi phát sinh trong thời hạn kể từ ngày 22/03/2013 đến ngày 30/06/2015. Đến thời điểm lập báo cáo tài chính này, Bà Thục vẫn chưa thanh toán cho Công ty các khoản gốc và lãi nêu trên và Công ty cũng đã trích lập dự phòng 100% khoản nợ phải thu này.

2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Thông tin về các bên liên quan

Thu nhập của thành viên Hội đồng Quản Trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm toán nội bộ trong năm như sau:

Thành viên		<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lê Đình Thắng	Chủ tịch HĐQT	1.190.445.291	1.192.030.358
Nguyễn Văn Đa	Phó Chủ tịch HĐQT	760.460.941	840.879.545
Trần Gia Phúc	Thành viên HĐQT - Tổng Giám đốc	556.035.488	75.833.334
Hoàng Thị Hà	Thành viên HĐQT	115.000.000	70.000.000
Võ Việt Trung	Thành viên HĐQT	66.666.667	80.000.000
Trịnh Đình Cường	Thành viên HĐQT	53.333.333	
Nguyễn Văn Tần	Phó Tổng Giám đốc		489.676.081
Nguyễn Tuyết Hoa	Phó Tổng Giám đốc	517.721.515	556.850.606
Võ Trung Kiên	Phó Tổng Giám đốc		486.551.360
Nguyễn Văn Dương	Phó Tổng Giám đốc		379.353.961
Nguyễn Văn Tuyển	Phó Tổng Giám đốc	417.842.131	405.785.303
Bùi Đình Phong	Thư ký HĐQT	385.459.198	440.434.091
Cộng		<u>4.062.964.564</u>	<u>5.017.394.639</u>

Thu nhập của thành viên Hội đồng Quản Trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm toán nội bộ năm 2020 gồm 6 tháng thu nhập 2019; Thu nhập năm 2021 gồm 6 tháng thu nhập 2020.

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch (VND)
Tổng Công ty CP Đầu tư Phát triển Xây dựng	Công ty liên kết	Góp vốn đầu tư	51.401.960.000
		Phải thu ngắn hạn về cung cấp sản phẩm	27.415.462.591
		Phải trả ngắn hạn về cung cấp sản phẩm	17.227.000
Công ty CP Phát triển và Kinh doanh Nhà	Công ty liên kết	Góp vốn đầu tư	64.200.000.000
		Phải trả ngắn hạn về cung cấp sản phẩm, dịch vụ	72.141.634.604
Công ty CP Đầu tư Phát triển Xây dựng Bê tông	Công ty cùng tập đoàn	Phải thu ngắn hạn về cung cấp sản phẩm	12.966.222.486
		Phải trả ngắn hạn về cung cấp sản phẩm	17.581.404.390
Công ty CP Đầu tư Phát triển Xây dựng (DIC) số 2	Công ty cùng tập đoàn	Phải trả ngắn hạn về cung cấp sản phẩm	1.481.736.960
Công ty TNHH Du lịch DIC	Công ty cùng tập đoàn	Phải trả ngắn hạn về cung cấp dịch vụ	101.699.000
Lê Đình Thắng	Chủ tịch HĐQT	Góp vốn đầu tư	16.833.280.000
Trần Gia Phúc	Thành viên HĐQT - Tổng Giám đốc	Tạm ứng kinh doanh	16.000.000.000

Cho đến ngày 31/12/2021, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị khoản phải thu/ (phải trả) (VND)
Tổng Công ty CP Đầu tư Phát triển Xây dựng	Công ty liên kết	Phải thu ngắn hạn về cung cấp sản phẩm	19.990.277.503
		Phải trả ngắn hạn về cung cấp sản phẩm	(331.424.913)
Công ty CP Phát triển và Kinh doanh Nhà	Công ty liên kết	Phải thu ngắn hạn về cung cấp sản phẩm	16.253.285.911
Công ty CP Đầu tư Phát triển Xây dựng Bê tông	Công ty cùng tập đoàn	Phải thu ngắn hạn về cung cấp sản phẩm	2.215.032.160
		Phải trả ngắn hạn về cung cấp sản phẩm	(907.764.110)
Công ty CP Đầu tư Phát triển Xây dựng (DIC) số 2	Công ty cùng tập đoàn	Phải trả ngắn hạn về cung cấp sản phẩm	(921.503.242)
Công ty CP Dìc Xây dựng Cửu Long	Công ty cùng tập đoàn	Phải thu ngắn hạn về cung cấp sản phẩm	99.761.692
Trần Gia Phúc	Thành viên HĐQT - Tổng Giám đốc	Tạm ứng kinh doanh	16.000.000.000

4. Báo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bổ ở trong nước, do đó không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Nhằm phục vụ công tác quản lý, Công ty tổ chức theo các đơn vị kinh doanh dựa trên các sản phẩm và dịch vụ của các bộ phận báo cáo theo hoạt động sau:

Bộ phận Kinh doanh VLXD.

Bộ phận Kinh doanh Dịch vụ cho thuê mặt bằng.

Bộ phận Kinh doanh Xây dựng.

Bộ phận Kinh doanh Bất động sản.

Bộ phận Sản xuất cửa nhựa.

Kết quả kinh doanh của các bộ phận được quản lý riêng biệt nhằm phục vụ cho việc ra quyết định, phân bổ nguồn lực và đánh giá thành tích. Thành tích của các bộ phận được đánh giá dựa trên kết quả lãi lỗ mà trên một số khía cạnh như được trình bày sau đây:

Năm nay	Kinh doanh VLXD	Dịch vụ	Xây dựng	Bất động sản	Sản xuất cửa nhựa	Tổng cộng
Doanh thu bộ phận	66.236.152.650	5.202.204.869	513.276.305.263	5.677.633.202	23.833.858.283	614.226.154.267
Chi phí bộ phận	(33.942.234.236)	(1.981.711.897)	(452.962.380.906)	(5.359.451.384)	19.743.905.532)	(513.989.683.955)
Kết quả kinh doanh	32.293.918.414	3.220.492.972	60.313.924.357	318.181.818	4.089.952.751	100.236.470.312
Doanh thu tài chính						1.194.442.049
Chi phí tài chính						(3.428.842.535)
Chi phí bán hàng						(6.831.853.779)
Chi phí QLDN						(34.096.543.571)
Thu nhập khác						460.210.360
Chi phí khác						(2.100.133.763)
Thuế TNDN hiện hành						(13.012.345.592)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phải trả						44.935.283
Lợi nhuận sau thuế						42.466.338.764

Năm trước	Kinh doanh VLXD	Dịch vụ	Xây dựng	Bất động sản	Sản xuất cửa	Tổng cộng
Doanh thu bộ phận	86.835.526.555	5.500.583.122	250.333.090.771	79.597.074.789	43.796.852.324	466.063.127.561
Chi phí bộ phận	(57.281.572.622)	(770.836.393)	(228.036.126.521)	(75.260.711.152)	(28.852.382.570)	(390.201.629.258)
Kết quả kinh doanh	29.553.953.933	4.729.746.729	22.296.964.250	4.336.363.637	14.944.469.754	75.861.498.303
Doanh thu tài chính						903.938.291
Chi phí tài chính						(4.739.477.830)
Chi phí bán hàng						(5.366.786.403)
Chi phí QLDN						28.716.245.219)
Thu nhập khác						767.728.486
Chi phí khác						(944.283.113)
Thuế TNDN hiện hành						(4.307.906.788)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phải trả						(1.241.036.040)
Lợi nhuận sau thuế						32.217.429.687

5. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2021	01/01/2021	31/12/2021	01/01/2021
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	195.223.847.882	45.607.004.509	195.223.847.882	45.607.004.509
Phải thu khách hàng và phải thu khác	285.849.516.680	209.050.967.096	285.849.516.680	209.050.967.096
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	488.109	488.109	488.109	488.109
Cộng	481.073.852.671	254.658.459.714	481.073.852.671	254.658.459.714
Công nợ tài chính				
Các khoản vay	148.124.734.727	40.405.189.997	148.124.734.727	40.405.189.997
Chi phí phải trả	33.856.927.996	7.952.667.098	33.856.927.996	7.952.667.098
Phải trả người bán và phải trả khác	64.921.550.095	73.085.184.388	64.921.550.095	73.085.184.388
Cộng	246.903.212.818	121.443.041.483	246.903.212.818	121.443.041.483

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý :

Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác phần lớn xấp xỉ với giá trị ghi sổ do kỳ hạn ngắn hạn của những công cụ này.

Giá trị hợp lý của các chứng khoán niêm yết được xác định trên cơ sở giá giao dịch trên thị trường chứng khoán. Đối với các chứng khoán chưa niêm yết thì giá trị hợp lý được xác định trên cơ sở giá giao dịch bình quân trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UpCoM) đối với các công ty đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết, hoặc giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba công ty chứng khoán tại thời điểm 31/12/2021 đối với các công ty chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng. Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn tin cậy thì giá trị hợp lý được lấy theo giá trị sổ sách.

Giá trị hợp lý của các khoản vay có lãi suất cố định hoặc thả nổi không xác định được do không có đủ thông tin để áp dụng các mô hình định giá phù hợp.

6. Tài sản đảm bảo

Công ty có tài sản đảm bảo thế chấp đảm bảo cho các khoản vay vào ngày 31/12/2020 và vào ngày 31/12/2021 (xem thuyết minh V.9 và V.19). Công ty nhận tài sản đảm bảo của đơn vị khác vào ngày 31/12/2020 và vào ngày 31/12/2021 (xem thuyết minh V.18).

7. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn. Trên cơ sở này, Công ty không có rủi ro tập trung về tín dụng.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

8. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

Thông tin thời hạn đáo hạn của nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm	Tổng cộng
Số cuối năm	242.338.329.764	4.564.883.054	246.903.212.818
Vay và nợ thuê tài chính	148.124.734.727		148.124.734.727
Phải trả cho người bán	62.674.630.709		62.674.630.709
Chi phí phải trả	30.088.644.942	3.768.283.054	33.856.927.996
Các khoản phải trả khác	1.450.319.386	796.600.000	2.246.919.386
Số đầu năm	116.878.158.429	4.564.883.054	121.443.041.483
Vay và nợ thuê tài chính	40.405.189.997		40.405.189.997
Phải trả cho người bán	70.802.167.595		70.802.167.595
Chi phí phải trả	4.184.384.044	3.768.283.054	7.952.667.098
Các khoản phải trả khác	1.486.416.793	796.600.000	2.283.016.793

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

9. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: Rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các giao dịch trong tương lai bằng ngoại tệ. Công ty giám sát các rủi ro đối với các tài sản và nợ phải trả tài chính bằng ngoại tệ.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể hoặc nợ phải trả tài chính có lãi suất cố định.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

10. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) kiểm toán.

11. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm, Công ty không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục. Vì vậy, Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Trên đây là toàn văn báo cáo thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Xây dựng DIC Holdings.

Trân trọng ./.

Vũng Tàu, ngày 12 tháng 04 năm 2022

CÔNG TY CP XD DIC HOLDINGS

Người đại diện theo pháp luật



CHỦ TỊCH HĐQT

Lê Đình Thắng